MODUN 1

PHÁT TRIỂN MỘT SỐ KỸ NĂNG BAN ĐẦU VỀ ĐỌC VIẾT CHO TRẺ MẪU GIÁO VÙNG DÂN TỘC THIỂU SỐ VỚI SỰ HỖ TRỢ CỦA BỘ CÔNG CỤ ELM, CÓ ĐÁP ỨNG GIỚI

I. MỤC TIÊU

- Phân tích được những yếu tố ảnh hưởng và vận dụng được các phương pháp phát triển ngôn ngữ tiếng Việt cho trẻ mẫu giáo vùng dân tộc thiểu số.

- Phân tích, điều chỉnh được các thẻ EL phù hợp với năng lực ngôn ngữ của từng trẻ và có nhạy cảm giới.

- Vận dụng linh hoạt các thẻ EL vào các việc tổ chức các hoạt động giáo dục theo Chương trình Giáo dục mầm non phù hợp với năng lực của trẻ mẫu giáo vùng DTTS.

- Tích cực, chủ động điều chỉnh nội dung, hình thức và vận dụng linh hoạt, sáng tạo các thẻ hoạt động EL (trong cuốn số 4-thẻ hoạt động dành cho giáo viên) để phát triển ngôn ngữ và kĩ năng ban đầu về đọc viết cho trẻ mẫu giáo vùng dân tộc thiểu số đảm bảo bình đẳng giới.

II. THỜI GIAN: 15 tiết

III. CHUẨN BỊ

- Máy chiếu, máy tính

- Tài liệu Module tập huấn

- Tài liệu 4: thẻ hoạt động dành cho giáo viên mầm non về cho trẻ làm quen với đọc viết cho trẻ mẫu giáo (ELM).

- Bìa mầu 3-4 mầu, băng dính 2 mặt (hoặc hồ dán khô)

- Kéo, băng dính giấy, Bút sáp màu (mỗi thứ 6 cái/hộp)

- Giấy A4, Ao, bút dạ viết giấy/bảng.

- Truyện tranh khổ lớn 1 cuốn

- Truyện tranh khổ nhỏ 6 cuốn

IV. NỘI DUNG CHÍNH

- Một số vấn đề chung về ngôn ngữ và phát triển ngôn ngữ tiếng Việt cho trẻ mẫu giáo vùng dân tộc thiểu số

- Bộ công cụ ELM và mối quan hệ giữa thẻ EL với lĩnh vực phát triển ngôn ngữ trong chương trình gdmn đảm bảo bình đẳng giới.

- Hướng dẫn vận dụng thẻ hoạt động EL phát triển kĩ năng đọc viết cho trẻ mẫu giáo vùng dân tộc thiểu số theo Chương trình Giáo dục mầm non đảm bảo bình đẳng giới

V. TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG

5.1. Nội dung 1: MỘT SỐ VẤN ĐỀ CHUNG VỀ NGÔN NGỮ VÀ PHÁT TRIỂN NGÔN NGỮ TIẾNG VIỆT CHO TRẺ MẪU GIÁO VÙNG DÂN TỘC THIỂU SỐ

5.1.1. Hoạt động 1. Một số khái niệm liên quan

Câu hỏi thảo luận

Học viên tham khảo tài liệu, trao đổi và thảo luận các vấn đề sau:

1. Thế nào là ngôn ngữ? Phát triển ngôn ngữ? Hoạt động giáo dục ngôn ngữ cho trẻ và làm quen với đọc, viết của trẻ mẫu giáo ?
2. Tại sao nói trẻ em vùng DTTS học tiếng Việt là học ngôn ngữ thứ hai?

Chia sẻ thông tin với cả lớp.

Thông tin phản hồi:

5.1.1.1. Phát triển ngôn ngữ cho trẻ em

- ***Ngôn ngữ*** là một hệ thống các kí hiệu có cấu trúc, có quy tắc và ý nghĩa. Các kí hiệu có thể được kết hợp, được tổ chức và mở rộng để truyền đạt một khối lượng thông điệp đa dạng. Ngôn ngữ là phương tiện giao tiếp quan trọng nhất của con người trong xã hội, nó thể hiện ý thức xã hội tồn tại và phát triển cùng với sự tồn tại và phát triển của xã hội.

Ngôn ngữ được cụ thể hóa trong lời nói. Lời nói nói mang màu sắc của cá nhân, của chủ thể lời nói. Lời nói là ngôn ngữ ở dạng hoạt động. Đối với trẻ em dân tộc thiểu số sử dụng ngôn ngữ của dân tộc mình chính là ngôn ngữ mẹ đẻ (ngôn ngữ thứ nhất). Tiếng Việt là ngôn ngữ đến sau nên khi học tiếng Việt được gọi là ngôn ngữ thứ 2

- ***Phát triển ngôn ngữ*** là một trong những mục tiêu quan trọng ~~nhất~~ của giáo dục mầm non. Ngôn ngữ không chỉ giúp trẻ bày tỏ, trao đổi và giao tiếp với nhau trong học tập, vui chơi mà ngôn ngữ còn là phương tiện để giáo dục trẻ một cách toàn diện bao gồm sự phát triển về đạo đức, tư duy nhận thức và các chuẩn mực hành vi văn hoá cho trẻ. Phát triển ngôn ngữ bao gồm phát triển các kỹ năng sử dụng ngôn ngữ: Nghe – Nói – Đọc -Viết

- ***Hoạt động giáo dục phát triển ngôn ngữ cho trẻ mầm non***:

Hoạt động ngôn ngữ cho trẻ mẫu giáo tập trung vào 4 kĩ năng nghe, nói, đọc viết. Tuy nhiên, đối với trẻ mầm nói nói chung và trẻ mẫu giáo nói riêng tập trung vào kĩ năng nghe và nói. Trong tài liệu này, tập trung vào kĩ năng đọc viết sớm cho trẻ mẫu giáo hay còn gọi là tiềng đọc, tiền viết

- ***Làm quen với đọc viết của trẻ mầm non***:

Trẻ mẫu giáo chưa biết chữ nên không thể đọc chữ như người lớn. Tuy nhiên, trẻ mẫu giáo cũng có cách ”đọc” của riêng mình. Trẻ giải mã chữ viết thông qua ”đọc”các hình/tranh

ảnh và có thể hiểu ý nghĩa của chữ viết thông qua cách hình ảnh đó hoặc tri giác tổng thể chữ viết như hình thức chụp ảnh ”đọc vẹt”. Vì vậy đối với trẻ mẫu giáo gọi là ”tiền đọc”

Tương tự như kĩ năng đọc, trẻ mẫu giáo cũng chưa biết viết. Quá trình ”viết” của trẻ được bắt đầu khi trẻ cầm viết vẽ nguệch ngoạc trên giấy hoặc vẽ các hình và trẻ sẽ sử dụng lời nói để ”giải nghĩa lại những gì mình nghĩ và vẽ ra. Ngay từ khi còn rất nhỏ, trẻ đã có thể thực hiện nhiều cách viết phong phú theo nhu cầu và hứng thú của mình đó chính là giai đoạn tiền đọc, tiền viết của trẻ mẫu giáo.

Với trẻ mẫu giáo làm quen với đọc viết không chỉ là việc hình thành ở trẻ những kĩ năng đọc hay viết đơn giản mà trẻ cần phải hiểu chức năng của chữ viết, biết cách sử dụng sách, bút và có những kĩ năng tương ứng. Phát triển năng lực đọc viết luôn đi cùng với việc phát triển toàn diện cả về kĩ năng nghe và kĩ năng nói. Trẻ lứa tuổi mẫu giáo ngôn ngữ được học tốt nhất khi trẻ tiếp nhận một cách trọn vẹn cả về chức năng, ý nghĩa và cấu trúc và việc hướng dẫn trẻ làm quen đọc, viết thông qua việc tạo cơ hội cho trẻ khám phá chữ viết trong tình huống có ý nghĩa đối với trẻ, đồng thời hướng dẫn trẻ một số kĩ năng đọc, viết phù hợp. Các hoạt động phát triển ngôn ngữ cho trẻ cần được tiến hành đồng thời thông qua các hoạt động từ chế độ sinh hoạt đến các hoạt động học tập, lao động, tham quan, dạo chơi…trong trường mầm non.

5.1.1.2. Phát triển ngôn ngữ tiếng Việt cho trẻ em vùng dân tộc thiểu số

Luật Giáo dục quy định, tiếng Việt là ngôn ngữ chính thức dùng trong cơ sở giáo dục[1]. Tiếng Việt là phương tiện giao tiếp chung, được coi là ngôn ngữ thứ hai của đồng bào các dân tộc thiểu số. Nhà nước khuyến khích, tạo điều kiện để người dân tộc thiểu số được học tiếng nói, chữ viết của dân tộc mình theo quy định của Chính phủ. ***Phát triển ngôn ngữ tiếng Việt cho trẻ em vùng dân tộc thiểu số*** theo phương pháp dạy ngôn ngữ thứ hai, giúp trẻ giao tiếp bằng tiếng Việt một cách thành thạo để có thể tiếp thu được kiến thức trong quá trình học tập cũng như vui chơi và chuẩn bị tốt tiếng Việt để trẻ sẵn sàng tiếp thu kiến thức ở trường phổ thông.

5.1.2. Hoạt động 2. Các yếu tố ảnh hưởng đến sự phát triển ngôn ngữ mẹ đẻ và ngôn ngữ thứ hai của trẻ mầm non

Câu hỏi thảo luận

Học viên tham khảo tài liệu, trao đổi và thảo luận các vấn đề sau:

1. Các giai đoạn phát triển ngôn ngữ thứ nhất (ngôn ngữ mẹ đẻ) và ngôn ngữ thứ hai (tiếng Việt) của trẻ em mầm non vùng dân tộc thiểu số?

[1] “Tiếng Việt là ngôn ngữ chính thức dùng trong cơ sở giáo dục. Nhà nước khuyến khích, tạo điều kiện để người dân tộc thiểu số được học tiếng nói, chữ viết của dân tộc mình theo quy định của Chính phủ” (điều 5 Luật giáo dục)

2. Hãy tìm những điểm tương đồng và sự khác nhau giữa các giai đoạn phát triển ngôn ngữ thứ nhất và ngôn ngữ thứ hai của trẻ mẫu giáo vùng dân tộc thiểu số?

2. Những yếu tố nào ảnh hưởng đến quá trình phát triển ngôn ngữ nói chung và ngôn ngữ tiếng Việt của trẻ em vùng dân tộc thiểu số? Giải thích tại sao?

Chia sẻ thông tin với cả lớp.

Thông tin phản hồi:

5.1.2.1. Các giai đoạn phát triển ngôn ngữ thứ nhất và ngôn ngữ thứ hai của trẻ em lứa tuổi mầm non vùng dân tộc thiểu số

a. Các giai đoạn phát triển ngôn ngữ mẹ đẻ của trẻ 0-6 tuổi (ngôn ngữ thứ nhất)

Đặc điểm phát triển ngôn ngữ ngôn ngữ mẹ đẻ của trẻ được thể hiện qua từng giai đoạn/mốc phát triển của trẻ từ 0-6 tuổi (bảng 1). Tuy nhiên, quá trình sản sinh ngôn ngữ của trẻ từ 0-6 tuổi có thể khác nhau, có một số trường hợp trẻ biết nói sớm hơn, những có trường hợp trẻ chậm nói hơn do đặc điểm tâm sinh lí của trẻ, nhưng một phần do môi trường ngôn ngữ của gia đình. Bảng dưới đây phân tích về các giai đoạn lĩnh hội (kĩ năng nghe-hiểu) và sản sinh ngôn ngữ mẹ đẻ (kĩ năng nói) của trẻ từ 0-6 tuổi

Bảng 1: Các giai đoạn/mốc phát triển ngôn ngữ mẹ đẻ của trẻ từ 0-6 tuổi

Tiếp thu/lĩnh hội ngôn ngữ - (Nghe và hiểu)	**Sản sinh/tạo sinh ngôn ngữ** (Nói)
1. Giai đoạn trước khi sử dụng ngôn ngữ (0-12 tháng tuổi)	
- Nhận ra giọng nói - Ngừng khóc khi nghe giọng nói - Nhìn về hướng phát ra giọng nói	- Tạo ra âm thanh vui nhộn, phát ra các âm thanh khác nhau - Khóc các kiểu khác nhau cho những nhu cầu khác nhau - Cười khi nhìn thấy bạn
- Chú ý lắng nghe - Nhận ra những từ đơn giản "sữa" "ăn" "nước"...khi mẹ nói	- Bập bẹ phát ra các âm thanh như a, b, p, m, - Lặp lại âm thanh đã nghe được gần như có nghĩa (cùng ngữ điệu) - Bắt chước các âm thanh khác nhau (vừa làm điệu bộ, chào hoan hô, múa tay)
2. Giai đoạn mới bắt đầu sử dụng ngôn ngữ (12-30 tháng tuổi)	

Tiếp thu/lĩnh hội ngôn ngữ - (Nghe và hiểu)	**Sản sinh/tạo sinh ngôn ngữ** (Nói)
- Phản ứng lại với các yêu cầu như: "đưa cho mẹ…", "lại đây", "lấy.." vật gì đó - Hiểu được nhiều từ	- Nói được 1 từ (một câu chỉ có 1 từ nhưng để diễn đạt nhiều nghĩa), ví dụ: "mẹ" –(có nghĩa là mẹ bế con"; "nước" (có nghĩa là con muốn uống nước); "xe" (có nghĩa là con muốn đi xe) - Sử dụng ít nhất 10 từ
- Hiểu được các yêu cầu đơn giản như: lấy chăn cho mẹ"; "đưa cái… này đến cho bà"… - Hiểu được câu hỏi đơn giản, ví dụ" "con gì đây"	- Nói được câu có 2 từ (một câu có 2 từ), ví dụ: "mẹ về"; "ăn cơm", "đi chơi"… - Sử dụng ít nhất 150 từ/ngày - Trả lời được câu hỏi đơn giản: "vịt/gà/mèo" - Biết đặt câu hỏi đơn giản (cái gì đây? Ai đấy?
3. Giai đoạn tiếp tục phát triển ngôn ngữ (30-60 tháng tuổi)	
- Lắng nghe trò chuyện - Hiểu được các từ trên-dưới, trong - ngoài, trước – sau	- Sử dụng ít nhất 300 từ hoặc nhiều hơn mỗi ngày
- Hiểu được các yêu cầu phức tạp, ví dụ: lấy mũ, giấy và áo mưa của con đi"… - Hiểu các câu hỏi: ai, cái gì, ở đâu, làm gì - Hiểu nội dung các câu chuyện được nghe kể/đọc	- Sử dụng câu phức: Hôm nay đi học, mai đi chơi công viên"; "con muốn uống nước có đá" - Phân biệt được ít-nhiều; đại từ nhân xưng (con, cô, dì, chú, bác…) và các giới từ trong, ở giữa…" - Biết bắt chuyện với người khác - Thể hiện cảm xúc khi nói chuyện
4. Giai đoạn phát triển ngôn ngữ hoàn thiện hơn (trên 60 tháng tuổi)	
- Hiểu được câu hỏi: ai? tại sao? Làm gì? Để làm gì?... - Hiểu được hầu hết những yêu cầu và thực hiện đúng công việc được giao ở trường và ở nhà - Hiểu được các hướng dẫn của cô giáo khi thực hiện nhiệm vụ:	- Trả lời/nói đúng ngữ cảnh của câu hỏi - Sử dụng câu phức tạp, diễn đạt mạch lạc: "mẹ ơi con khát nước, con muốn uống nước được không?" - Tạo tương tác giữa mọi người thông qua ngôn ngữ. - Kể lại được câu chuyện đã được nghe

Tiếp thu/lĩnh hội ngôn ngữ - (Nghe và hiểu)	**Sản sinh/tạo sinh ngôn ngữ** (Nói)
"khoanh tròn vào những thứ ăn được", "nối…"	- Có thể tự kể chuyện theo tranh theo cách hiểu của mình

b. Các giai đoạn phát triển ngôn ngữ thứ hai (tiếng Việt) của trẻ mầm non vùng dân tộc thiểu số

Các nghiên cứu lý luận và thực tiễn đã cho thấy việc trẻ học ngôn ngữ thứ hai phụ thuộc vào nhiều yếu tố như: đặc điểm tâm lý (trẻ mạnh dạn hay nhút nhát); khả năng nhận thức về thế giới xung quanh; mức độ phát triển ngôn ngữ mẹ đẻ của trẻ (trẻ mạnh dạn giao tiếp, nói nhiều, diễn đạt tốt ngôn ngữ mẹ đẻ), đặc biệt là môi trường giao tiếp ngôn ngữ trong gia đình/cộng đồng (nếu có nhiều người sử dụng tiếng Việt thì trẻ nghe nói tiếng Việt tốt hơn và ngược lại). Trẻ em vùng dân tộc thiểu số học tiếng Việt là ngôn ngữ thứ hai trải qua 4 giai đoạn dưới đây:

Bảng 2. Các giai đoạn phát triển ngôn ngữ thứ hai (tiếng Việt) của trẻ mầm non dân tộc thiểu số

Giai đoạn 1	Giai đoạn này nhiều trẻ chủ yếu giao tiếp bằng tiếng mẹ đẻ với các bạn và giáo viên. Giai đoạn này ngắn hay dài phụ thuộc vào từng trẻ và cách tiếp cận/kĩ năng vận dụng các phương pháp dạy ngôn ngữ thứ hai của từng giáo viên. Có thể là vài tuần hay vài tháng nhất là những trẻ bé lần đầu đến lớp (trẻ 3 tuổi).
Giai đoạn 2	Giai đoạn im lặng, trẻ rất ít nói nhưng thực ra trẻ đang lắng nghe để tiếp thu một ngôn ngữ mới, trẻ hiểu nhưng chỉ có thể sử dụng một vài từ đơn lẻ hoặc thông quan hành động cử chỉ để biểu đạt (ngôn ngữ cơ thể). Giai đoạn này kéo dài vài tuần đến vài tháng
Giai đoạn 3	Trẻ bắt đầu sử dụng được câu ngắn (thường là những cụm từ sử dụng thường xuyên trẻ được nghe ở lớp). Ví dụ: đứng lên, ngồi xuống, đi vòng tròn, lắng nghe, trật tự. Trẻ chủ yếu bắt chước những gì người khác nói và cũng đã hiểu được nghĩa của những từ đó, mà chưa vận dụng một cách chính xác ngôn ngữ được học ở trường.
Giai đoạn 4	Vào cuối năm học đầu tiên, đa số trẻ có thể sử dụng thành thạo ngôn ngữ thứ hai (cũng có trẻ sử dụng chưa thành thạo). Trẻ đã có thể diễn đạt được ý của mình muốn nói, nhưng đôi khi vẫn còn mắc lỗi.

Sơ đồ 1: Tóm tắt các giai đoạn phát triển ngôn ngữ thứ hai (tiếng Việt)

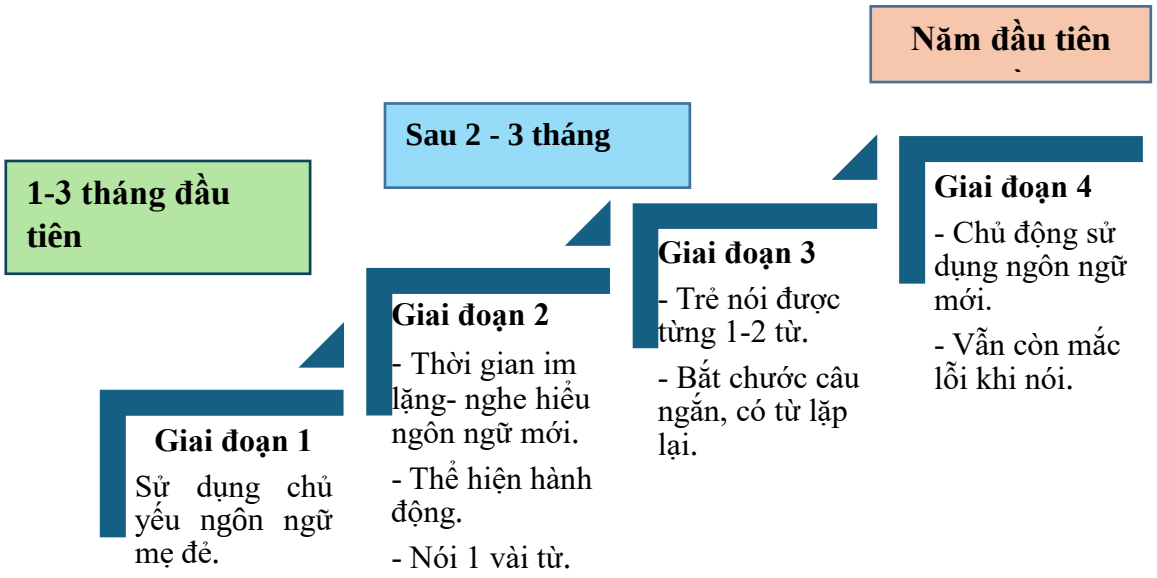

Sự giống nhau trong các giai đoạn phát triển ngôn ngữ thứ nhất và ngôn ngữ thứ hai của trẻ mầm non là đều phải trải qua 4 giai đoạn, tuy nhiên khả năng/tốc độ phát triển ngôn ngữ nhanh hay chậm còn phụ thuộc vào từng trẻ (dù là ngôn ngữ mẹ đẻ hay tiếng Việt), có trẻ nói sớm, cũng có trẻ nói chậm hơn. Những trẻ chậm hơn cần có nhiều thời gian hơn và giai đoạn im lặng có thể sẽ kéo dài hơn. Các giai đoạn phát triển ngôn ngữ thứ hai cần ít nhất 1 năm hoặc lâu hơn hơn tùy vào từng trẻ. Để trẻ có thể sử dụng tiếng Việt lĩnh hội kiến thức ở trường phổ thông một cách hiệu quả, gia đình và nhà trường cần tạo cơ hội và môi trường giao tiếp tiếng Việt cho trẻ em vùng dân tộc thiểu số càng sớm càng tốt.

Sự khác nhau trong các giai đoạn phát triển ngôn ngữ thứ nhất và ngôn ngữ thứ hai là độ tuổi và phương pháp dạy và học. Với ngôn ngữ mẹ đẻ trẻ được nghe những từ ngữ quen thuộc ngay từ khi mới sinh ra và bắt đầu học nói từ 6 tháng, với ngôn ngữ thứ hai thì trẻ sẽ học muộn hơn, sau khi tiếng mẹ đẻ đã phát triển ở mức độ nhất định. Việc học ngôn ngữ thứ nhất và học ngôn ngữ thứ hai có sự khác nhau:

Bảng 3: Sự khác nhau giữa học ngôn ngữ thứ nhất và ngôn ngữ thứ hai

Học ngôn ngữ thứ nhất *(Trẻ dân tộc Kinh học tiếng Việt là ngôn ngữ mẹ đẻ)*	**Học ngôn ngữ thứ hai** *(Trẻ dân tộc thiểu số học tiếng Việt là một ngôn ngữ mới)*
1. Trẻ người Kinh học tiếng Việt ngay từ khi bắt đầu sinh ra nên khi đến trường tiếng Việt trẻ học được phát triển dựa trên cơ sở vốn ngôn ngữ tự nhiên ban đầu (tức là học một cách vô thức, tự nhiên) và được hoàn thiện, nâng cao khi đi học ở trường.	1.Trẻ học một cách có ý thức, có nghĩa là trẻ phải học phát âm, từ vựng, cấu trúc ngữ pháp theo ý đồ của người dạy (giáo viên phải lựa chọn nội dung cần học phù hợp với đặc điểm ngôn ngữ của từng lứa tuổi)

Học ngôn ngữ thứ nhất *(Trẻ dân tộc Kinh học tiếng Việt là ngôn ngữ mẹ đẻ)*	**Học ngôn ngữ thứ hai** *(Trẻ dân tộc thiểu số học tiếng Việt là một ngôn ngữ mới)*
2. Trẻ đã có sẵn một số vốn từ nhất định thông qua kinh nghiệm sống và đã có thể giao tiếp một cách tự nhiên, dễ dàng với những người xung quanh trước khi học ngôn ngữ một cách có ý thức ở nhà trường. Trẻ bắt chước cách nói của người lớn (đôi khi sử dụng chưa thực sự hiểu hết câu nói đó)	2. Vốn từ tiếng Việt rất ít, vì trẻ được nghe thông qua hoạt động giao tiếp song ngữ trong gia đình và cộng đồng. Trẻ phải học ngôn ngữ mới một cách có ý thức, sau đó mới sử dụng ngôn ngữ vào hoạt động giao tiếp. Có nghĩa là khi học tiếng Việt (ngôn ngữ thứ hai) trẻ phải học nghe (quá trình lĩnh hội) trước khi học nói (quá trình tạo sinh), quá trình này ngược với khi trẻ đi học bắt đầu bằng ngôn ngữ mẹ đẻ.
3. Trẻ hiểu được nghĩa của các từ, câu một cách dễ dàng vì đã được nghe và sử dụng chúng trong cuộc sống hằng ngày, vì vậy cũng dễ dàng hiểu nội dung bài học.	Trẻ không hiểu hoặc khó có thể hiểu được nghĩa của các từ và câu, vì trẻ chưa từng được nghe và sử dụng trong cuộc sống, vì vậy, rất khó khăn để hiểu được nội dung bài học.
4. Trẻ có thể nhận ra trật tự đúng của các từ trong cấu trúc của câu nhờ vào kinh nghiệm nghe và sử dụng ngôn ngữ mẹ đẻ trong cuộc sống hằng ngày.	Trẻ rất khó để nhận ra trật tự đúng của các từ trong cấu trúc câu của ngôn ngữ thứ hai do bị ảnh hưởng giao thoa ngôn ngữ.
5. Trẻ sử dụng ngôn ngữ mẹ đẻ mọi nơi mọi lúc, trong môi trường giao tiếp: trường học, gia đình và trong cộng đồng.	Hầu như trẻ sử dụng ngôn ngữ thứ hai ở trường học, còn ở nhà và trong sinh hoạt ở cộng đồng trẻ sử dụng chủ yếu bằng tiếng mẹ đẻ.

5.1.2.2. Các yếu tố ảnh hưởng đến sự phát triển ngôn ngữ của trẻ mầm non

Trên cơ sở lí thuyết hoạt động ngôn ngữ và thông qua kết quả nghiên cứu ở trong và ngoài nước đã khẳng định rằng, những đặc điểm phát triển ngôn ngữ mẹ đẻ nói chung, và ngôn ngữ thứ hai nói riêng và các yếu tố ảnh hưởng đến sự phát triển hoạt động ngôn ngữ của trẻ mầm non mang tính quy luật.

- *Thứ nhất*: Yếu tố về sinh lí và sự hoàn thiện bộ máy phát âm. Khi mới sinh ra trẻ chưa thể nói được, mặc dù, ở trẻ đã có cơ chế phát âm và được sống trong môi trường ngôn ngữ mẹ đẻ ở gia đình. Theo năm tháng bộ não của trẻ được phát triển, các bộ phận của cơ thể có liên quan như: bộ máy phát âm, tai nghe cũng dần phát triển và và hoàn thiện chức năng. Đó chính là cơ sở sinh lý quan trọng để hình thành và phát triển hoạt động ngôn ngữ

của trẻ. Nếu một trong các yếu tố vật chất này bị tổn thương hoặc không bình thường (như bị rụt lưỡi, điếc bẩm sinh..) thì trẻ sẽ không nói được.

- *Thứ hai*: Môi trường gia đình và xã hội có ảnh hưởng rất lớn đến sự phát triển hoạt động ngôn ngữ của trẻ. Để hình thành và phát triển hoạt động ngôn ngữ trẻ em phải được sống trong môi trường ngôn ngữ, hàng ngày, hàng giờ trẻ phải được nghe các âm thanh, tiếng nói của những người xung quanh, từ đó trẻ hiểu được ý nghĩa của từ, ngữ và biết cách sử dụng lời nói để biểu đạt mong muốn của mình qua giao tiếp với người khác. Như vậy, khả năng nói một ngôn ngữ cụ thể của trẻ không phải là bẩm sinh, mà chủ yếu được hình thành và phát triển qua hoạt động và giao tiếp với người khác trên cơ sở tích lũy vốn sống và vốn kinh nghiệm sử dụng lời nói trong các tình huống khác nhau trong môi trường ngôn ngữ tích cực. Lời nói của trẻ được hình thành và phát triển qua hoạt động vui chơi và trải nghiệm cùng bạn bè, trong đó, sự giao tiếp tự nhiên giữa trẻ với trẻ, thông qua các trò chơi, đồ chơi, bối cảnh chơi...đã tạo nên ngữ cảnh cho trẻ nói, và các từ ngữ đó thấm dần vào trẻ và trở thành vốn ngôn ngữ riêng của chúng. Chính sự nghe, sự ghi nhớ máy móc và bắt chước cách sử dụng từ ngữ, hay sử dụng "sáng tạo" các từ ngữ trong nhiều ngữ cảnh khác nhau... đã giúp trẻ tiếp thu được ngôn ngữ. Vì vậy, để giúp trẻ phát triển ngôn ngữ tiếng Việt cho trẻ dân tộc thiểu số, giáo viên đóng vai trò quan trọng trong việc tạo môi trường ngôn ngữ trong quá trình tổ chức các hoạt động để kích thích sự tham gia của trẻ vào việc sử dụng ngôn ngữ mới ở trường và khuyến khích cha mẹ trò chuyện tiếng Việt dựa trên tiếng mẹ đẻ để giải nghĩa rõ hơn trò chuyện song ngữ với trẻ nhiều hơn trong gia đình. Việc phát triển ngôn ngữ tiếng Việt cho trẻ dân tộc thiểu số không có nghĩa là triệt tiêu ngôn ngữ mẹ đẻ mà cần phát phát triển cả 2 ngôn ngữ để bảo tồn và giữ gìn ngôn ngữ mẹ đẻ. Dó đó, trong thời gian ở trường trẻ vẫn có thể trao đổi với nhau bằng ngôn ngữ mẹ đẻ.

- *Thứ ba*: Yếu tố kinh tế - văn hóa - xã hội cũng có ảnh hưởng không nhỏ đến sự phát triển ngôn ngữ của trẻ. Cùng với sự phát triển kinh tế - văn hóa- xã hội của đất nước nói chung và và vùng dân tộc miền núi nói riêng, nhiều gia đình ở vùng cao, dân tộc thiểu số đã có đài, Tivi, điện thoại thông minh, thậm chí đã biết sử dụng cả internet, các cộng đồng tổ chức nhiều sự kiện văn hóa đa dạng, trẻ được giao lưu với nhiều thành phần trong xã hội nhiều hơn nên tiếng Việt của trẻ vùng dân tộc thiểu số đã tốt hơn. Tuy nhiên, nhiều gia đình ở vùng dân tộc cha mẹ cũng chưa biết nhiều tiếng Việt, thâm chí cha mẹ ít trò chuyện với trẻ hàng ngày nên tiếng mẹ đẻ của trẻ vẫn còn hạn chế và việc học tiếng Việt của trẻ vẫn gặp rất nhiều khó khăn.

Cả 3 yếu tố này không chỉ ảnh hưởng đến việc phát triển ngôn ngữ mẹ đẻ, mà còn ảnh hưởng đến việc trẻ học một ngôn ngữ mới (tiếng Việt).

- *Thứ tư:* Hiện tượng giao thoa ngôn ngữ. Thông thường hiện tượng này xảy ra là do người học đem hệ thống ngôn ngữ thứ nhất dịch chuyển sang ngôn ngữ thứ hai hoặc không có những âm tương đồng hoặc có sự khác nhau về ngữ âm, cấu trúc ngữ pháp...sẽ dẫn đến sử dụng sai và cản trở việc học ngôn ngữ thứ hai (gọi là giao thoa ngôn ngữ). Tuy nhiên, việc khắc phục hiện tượng giao thoa ngôn ngữ ở trẻ em dễ dàng hơn người lớn. Trong khi

người lớn luôn thích lí giải các hiện tượng về ngữ âm, cấu trúc ngữ pháp của ngôn ngữ mới, thì trẻ em lại chấp nhận cả sự giống nhau và khác nhau nên dễ dàng tạo thói quen trong hoạt động lời nói của ngôn ngữ mới. Nếu giáo viên chú ý sửa lỗi phát âm hoặc sửa câu đúng ngữ pháp một cách phù hợp thì hiện tượng giao thoa ngôn ngữ của trẻ dễ dàng khắc phục khi học tiếng ngôn ngữ thứ hai (tiếng Việt).

5.1.3. Hoạt động 3. Phương pháp dạy tiếng Việt như ngôn ngữ thứ hai cho trẻ mẫu giáo vùng dân tộc thiểu số

Câu hỏi thảo luận

Học viên tham khảo tài liệu, trao đổi và thảo luận các vấn đề sau:

1. Những thuận lợi, khó khăn trong quá trình dạy tiếng Việt (như ngôn ngữ thứ hai) cho trẻ vùng dân tộc thiểu số hiện nay là gì? Có sự khác biệt về khó khăn này trong việc dạy đối với trẻ em trai và trẻ em gái liên quan đến khuôn mẫu giới hay định kiến giới hay không? Làm thế nào để cải thiện vấn đề này giúp cho cả trẻ em trai và gái đều có cơ hội học tập và phát triển như nhau.

2. Dạy tiếng Việt cho trẻ mẫu giáo vùng dân tộc thiểu số có những phương pháp nào? Tại sao nên áp dụng đồng thời 2-3 phương pháp để dạy ngôn ngữ thứ hai cho trẻ?

3. Để dạy tiếng Việt (như ngôn ngữ thứ hai) cho trẻ mẫu giáo vùng dân tộc thiểu số giáo viên cần lưu ý điều gì? Tại sao?

Chia sẻ thông tin với cả lớp.

Thông tin phản hồi:

5.1.3.1. Thực trạng phát triển ngôn ngữ tiếng Việt của trẻ mẫu giáo vùng dân tộc thiểu số trong gia đoạn hiện nay

Những thuận lợi khi dạy tiếng Việt cho trẻ mẫu giáo vùng dân tộc thiểu số:

- Kinh tế xã hội tại các vùng dân tộc thiểu số đã có nhiều thay đổi và dần bắt nhịp với kinh tế xã hội ở các vùng phát triển của Việt Nam, điều đó kéo theo môi trường văn hóa, môi trường giao tiếp bằng tiếng Việt đang dần được cải thiện. Cha mẹ trẻ, cộng đồng xung quanh trẻ sử dụng tiếng VIệt thường xuyên hơn, thành thạo hơn.
- Sự phát triển của công nghệ thông tin và mạng internet đã làm giảm khoảng cách về xung đột ngôn ngữ giữa các vùng miền.
- Đề án tăng cường tiếng Việt cho trẻ DTTS đã được triển khai trong nhiều năm nên giáo viên về cơ bản đã nắm được những phương pháp tăng cường tiếng Việt.
- Các Ban ngành đoàn thể quan tâm, tích cực tham gia trong các hoạt động giáo dục.

- Trẻ em dân tộc thiểu số đã được đi học ngay từ sớm (2 tuổi) và đã có một số vốn nhất định về tiếng Việt.

- Nhiều giáo viên người kinh dạy lâu năm ở vùng dân tộc và 1 số giáo viên là người địa phương, gần gũi/ hiểu tâm lí của trẻ và các bậc cha mẹ.

- Cha mẹ và cộng đồng: Do có nhiều lớp tập huấn và các phương tiện truyền thông hoạt động tích cực nên phần lớn mọi người đều đã thay đổi trong quan niệm về nuôi dạy trẻ; quan tâm tới con cái/ trẻ em nhiều hơn. Cha mẹ trẻ phần lớn nhận thức được tầm quan trọng của tiếng Việt đối với con mình.

Những khó khăn khi dạy tiếng Việt cho trẻ mẫu giáo vùng dân tộc thiểu số:

a. Khó khăn của trẻ

- Hiện tượng giao thoa ngôn ngữ giữa tiếng Việt và tiếng mẹ đẻ vẫn còn dẫn đến việc trẻ em không tự tin khi nói tiếng Việt.

- Môi trường giao tiếp tiếng Việt hạn chế, vì ở nhà trẻ chủ yếu giao tiếp bằng tiếng mẹ đẻ, mặt khác do điều kiện kinh tế khó khăn và nhận thức chưa đầy đủ của cha mẹ nên ít dành thời gian trò chuyện với trẻ, kể cả tiếng mẹ đẻ (thiếu sự quan tâm của cha mẹ).

- Tiếng Việt là ngôn ngữ chính thức sử dụng trong nhà trường, nhưng khi bắt đầu đi học kể cả trẻ cùng độ tuổi khả năng tiếng Việt cũng không đồng, chưa kể việc học lớp ghép trẻ có độ tuổi khác nhau sẽ dẫn đến việc sử dụng ngôn ngữ tiếng Việt cũng khác nhau. Một số trẻ khi bắt đầu đến lớp chưa mạnh dạn và nói rất ít tiếng Việt, trong khi một số trẻ khác có thể giao tiếp tiếng Việt tốt hơn. Vì vậy, giáo viên cần nắm vững đặc điểm cá nhân của từng trẻ để có biện pháp hỗ trợ phù hợp giúp trẻ tự tin hơn trong giao tiếp (chấp nhận trẻ sử dụng tiếng mẹ đẻ trong giao tiếp, như vậy sẽ giúp trẻ vượt qua được rào cản ngôn ngữ để tiếp thu tốt ngôn ngữ mới).

b. Khó khăn của giáo viên

- Đa số giáo viên mầm non dạy ở vùng dân tộc thiểu số là người Kinh, giáo viên người địa phương chỉ chiếm 10-15% (mặc dù chưa có số liệu thống kê chính thức, nhưng trên thực tế nhiều nhất có trường cũng chỉ có 5-7 giáo viên bản địa, có trường chỉ có 2-3 giáo viên) nên khả năng sử dụng song ngữ với trẻ không nhiều (chỉ một vài từ sinh hoạt hàng ngày). Nhiều giáo viên trẻ ở miền xuôi lên dây ở vùng dân tộc chưa hiểu được ngôn ngữ mẹ đẻ của trẻ và còn thiếu kinh nghiệm giao tiếp với trẻ và cha mẹ.

- Độ tuổi, khả năng nhận thức và ngôn ngữ khác nhau của trẻ mẫu giáo vùng dân tộc thiểu số không đồng đều là khó khăn lớn nhất đối với giáo viên. Hầu hết các lớp mẫu giáo ở các tỉnh miền núi là lớp ghép 2-3 độ tuổi, nhất là các lớp ở điểm lẻ (ít nhất là 2 độ tuổi, trừ điểm khu trung tâm), một số nơi không chỉ có 1 dân tộc mà còn nhiều dân tộc khác nhau trong 1 lớp. Đối với trẻ lần đầu tiên đến lớp mọi thứ còn bỡ ngỡ, còn trẻ đã qua lớp

mẫu giáo 1-2 năm. Nếu giáo viên sử dụng tiếng mẹ đẻ của trẻ để giao tiếp với trẻ mới đi học, sẽ hạn chế khả năng nghe-nói tiếng Việt của trẻ đã đi học hoặc ngược lại, nếu giáo viên chí nói tiếng Việt (không biết nói tiếng mẹ đẻ của trẻ) thì trẻ mới đi học tuổi sẽ gặp khó khăn (thậm chí có trẻ bị "bỏ quên").

- Giáo viên chưa thành thạo vận dụng phương pháp phát triển ngôn ngữ thứ hai cho phù hợp với sự thay đổi của thực tiễn. Nhiều giáo viên vẫn sử dụng các phương pháp phát triển ngôn ngữ tiếng Việt là tiếng mẹ đẻ dành cho đối tượng trẻ hoàn toàn chưa biết tiếng Việt cũng như có môi trường giao tiếp bằng tiếng Việt hạn chế (như nhiều năm trước đây) dẫn đến các hoạt động tăng cường tiếng Việt chưa thực sự hiệu quả.

- Các giáo sinh trong các trường sư phạm mầm non ở các tỉnh miền núi cũng chưa được cập nhật (chưa có học phần) về "phương pháp dạy tiếng Việt như ngôn ngữ thứ hai cho trẻ mầm non vùng dân tộc thiểu số" hoặc nếu có cũng chỉ là học phần tự chọn.

- Việc bồi dưỡng thường xuyên hàng năm chủ yếu tập huấn về việc tăng cường tiếng Việt cho trẻ mà chưa có chuyên đề về "phương pháp dạy tiếng Việt như ngôn ngữ thứ hai". Mô đun này sẽ là tài liệu tham khảo hữu ích cho giáo viên dạy trẻ mẫu giáo vùng dân tộc thiểu số học tiếng Việt như ngôn ngữ thứ hai.

5.1.3.2. Phương pháp dạy tiếng Việt cho trẻ mẫu giáo vùng dân tộc thiểu số như ngôn ngữ thứ 2

Dù bất cứ dân tộc thiểu số nào trên đất nước Việt nam, hay bất kì một quốc gia nào khi học một ngôn ngữ mới không phải là ngôn ngữ mẹ đẻ thì đều dạy và học theo cách tiếp cận và phương pháp dạy ngôn ngữ thứ hai *(không có cách dạy tiếng Việt cho từng dân tộc khác nhau).* Các phương pháp dạy tiếng Việt cho trẻ vùng dân tộc thiểu số có thể kể đến các phương pháp sau:

a. Phương pháp dạy tiếng Việt thông qua giao tiếp

Giao tiếp là phương pháp phát triển tiếng Việt cho trẻ vùng dân tộc thiểu số thông qua việc tạo ra các tình huống gần gũi với cuộc sống của trẻ diễn ra hàng ngày trong gia đình và cộng đồng một cách hiệu quả. Việc học tiếng Việt của trẻ không phải là một bài học cụ thể, chính thống mà thông qua các tình huống giao tiếp một cách tự nhiên. Đây là đặc điểm phát triển hoạt động lời nói của trẻ là khả năng bắt chước và được hình thành thông qua hoạt động (hoạt động vui chơi; giao tiếp tự nhiên hàng ngày; hoạt động học tập, trải nghiệm và mọi lức mọi nơi). Trong phương pháp này, trẻ được đặt trong tình huống giao tiếp cụ thể và sử dụng tiếng Việt phù hợp với tình huống giao tiếp đó. Nghĩa là trẻ không chỉ biết tạo ra các câu đúng mà còn biết sử dụng các câu đó vào đúng ngữ cánh (khi nào, cho ai, ở đâu, nhằm mục đích gì). Trẻ có thể giao tiếp song ngữ và học tiếng Việt thông qua giao tiếp với mọi người.

Ví dụ: Khi chơi trò chơi đóng vai, trẻ giao tiếp với nhau thông qua việc bắt chước các hoạt động của người lớn như nấu ăn, khám bệnh…, sự tương tác giữa trẻ với trẻ trong quá trình chơi là cơ hội trẻ được nói, được diễn đạt ý muốn của mình, đôi khi trẻ khó khăn trong việc diễn đạt bằng tiếng Việt trẻ có thể nói bằng tiếng mẹ đẻ. Chẳng hạn, khi trò chuyện với nhau bạn A có thể nói tiếng Việt nhưng bạn B nói tiếng mẹ đẻ (do bạn B gặp khó khăn khi diễn đạt bằng tiếng Việt), điều đó có nghĩa là bạn B đã nghe và hiểu nghĩa tiếng Việt thông qua ngữ cảnh giao tiếp, qua đó bạn B có thể bắt chước nói lại câu nói đó. Vai trò của giáo viên lúc đó là quan sát để hỗ trợ trẻ bằng cách hướng dẫn cho trẻ tự nói lại với nhau bằng tiếng Việt (trong khi chơi nếu con biết nói tiếng Việt nhiều hơn con có thể hướng dẫn bạn nói thêm tiếng Việt nhé – nên nhớ là giáo viên hỗ trợ chứ không bắt trẻ nói khi trẻ chưa sẵn sàng), không nên ngăn cấm trẻ nói tiếng mẹ đẻ.

Ưu điểm của phương pháp này là trẻ dễ nhớ từ, mẫu câu và cách giao tiếp vì chúng gắn với hoàn cảnh giao tiếp cụ thể. Sớm hình thành thói quen giao tiếp bằng ngôn ngữ thứ hai và tạo được hứng thú cho trẻ vì các tình huống giao tiếp gần gũi với cuộc sống của trẻ.

Giáo viên lưu ý khi sử dụng phương pháp này:

- Không nên ngăn cản trẻ nói tiếng mẹ đẻ hoặc sửa lại ngay bằng tiếng Việt, mà cho phép trẻ sử dụng tiếng mẹ đẻ trong quá trình giao tiếp.

- Ngôn ngữ trong quá trình giao tiếp là ngôn ngữ nói, tính chuẩn mực không cao nhưng với mục đích là chuyển tải thông điệp giữa người nghe và người nói hiểu được nhau, vì vậy không nhất thiết phải sửa lỗi ngay lúc đó mà chờ vào thời điểm phù hợp.

- Nếu giáo viên không biết nói ngôn ngữ mẹ đẻ của trẻ thì có thể nhờ những trẻ nói tiếng Việt thành thạo làm phiên dịch cho mình và đề nghị trẻ đó hướng dẫn các bạn sẽ tốt hơn là bắt buộc trẻ phải nói tiếng Việt. Trẻ học hỏi lẫn nhau đôi khi hiệu quả hơn là sự ép buộc.

b. Phương pháp dạy tiếng Việt thông qua tiếng mẹ đẻ (Phương pháp gián tiếp)

Phương pháp dạy tiếng Việt thông qua tiếng mẹ đẻ của trẻ là ngoài việc sử dụng trực quan hành động thông qua các đồ vật còn có sự hỗ trợ của tiếng mẹ đẻ để giải thích những từ ngữ khó, có nghĩa trừu tượng mà không thể sử dụng bất cứ hình thức nào để thay thế được. Việc giải thích bằng tiếng mẹ đẻ giúp trẻ hiểu nghĩa nhanh và chính xác các sự vật, hiện tượng, đồng thời duy trì và phát triển tiếng mẹ đẻ. Phương pháp này chú trọng đến quá trình tương tác với việc dùng ngôn ngữ một cách thích hợp trong các hoạt động khác nhau với các mục đích khác nhau. Việc sử dụng phương pháp này có thể vận dụng vào tất cả các hoạt động trong trường mầm non. Ví dụ: trong lĩnh vực phát triển ngôn ngữ như kể chuyện/thơ là hoạt động khó khăn nhất đối với trẻ vùng dân tộc thiểu số. Trong các câu chuyện có nhiều từ ngữ trẻ không thể hiểu được khi kể câu chuyện hoàn toàn bằng tiếng Việt. Vì vậy để giúp trẻ hiểu nội dung câu chuyện, giáo viên có thể tìm hiểu trước những từ tiếng mẹ đẻ tương ứng để giải nghĩa cho trẻ hiểu trước khi đọc/kể thì trẻ sẽ dễ hiểu và tiếp thu nhanh hơn. Tương tự như vậy với tất cả các hoạt động, khi cần thiết giáo viên có thể tìm những từ tương ứng từ tiếng mẹ đẻ của trẻ trẻ sẽ dễ hiểu hơn.

Ví dụ: Khi kể chuyện «Dê đen và dê trắng» trong Chương trình Giáo dục mầm non, giáo viên có thể sử dụng thẻ EL6. "Điều gì sẽ xảy ra tiếp theo" như một phương pháp, cách thức thực hiện không chỉ cho trẻ làm quen với văn học mà còn hình thành cho trẻ kĩ năng làm quen với sách, đây chính là kĩ năng ban đầu của đọc viết. Tuy nhiên, đối với trẻ em vùng dân tộc thiểu số giáo viên lần lượt cho trẻ học từ mới thông qua các nhân vật trong tranh chỉ vào từng con vật và hỏi trẻ «đây là con gì», trẻ có thể nói tên các con vật bằng tiếng mẹ đẻ, sau đó cho trẻ nhắc lại bằng tiếng Việt «dê đen, dê trắng»; sau đó lật từng trang và đặt câu hỏi tương tự, những hình ảnh nào không thể hiện rõ có thể cho trẻ nói cả tiếng mẹ đẻ để trẻ hiểu nghĩa của các từ đó hơn, sau đó mới bắt đầu kể chuyện. Sau đó kể trọn vẹn lần 1, khi kể lần 2, giáo viên sẽ vận dụng kỹ năng đọc tương tác với trẻ bằng cách dừng lại sau một số tình huống để hỏi trẻ «điều gì sẽ xảy ra tiếp theo» « nhân vật nào sẽ xuất hiện tiếp theo » để cho trẻ đoán, cách tương tác như vậy không chỉ tạo cho trẻ sự hứng thú, chú ý lắng nghe mà còn giúp trẻ dễ nhớ tên các nhân vật và nội dung câu chuyện hơn..

Ưu điểm của phương pháp này là khai thác được vốn ngôn ngữ sẵn có của trẻ để dạy một ngôn ngữ mới, đáp ứng được nhu cầu hiểu biết và tạo được hứng thú cho trẻ. Khi được khám phá thế giới xung quanh bằng chính ngôn ngữ mẹ đẻ, trẻ sẽ hiểu nhanh hơn, chính xác hơn bản chất sự vật và hiện tượng. Mặt khác, việc dạy ngôn ngữ mới thông qua ngôn ngữ mẹ đẻ giúp trẻ chuyển dần tư duy bằng ngôn ngữ mẹ đẻ sang tư duy bằng ngôn ngữ thứ hai, tạo được sự thoái mái cho trẻ trong quá trình tiếp thu kiến thức, hình thành kĩ năng ở trường mầm non.

Giáo viên lưu ý khi sử dụng phương pháp này.

- Giáo viên chỉ nên sử dụng tiếng mẹ đẻ trong giai đoạn đầu tiên trẻ đến trường học, nhằm đưa ra các chỉ dẫn để hỗ trợ để trẻ hiểu rõ nội dung, nhiệm vụ của bài học rồi mới chuyển sang thực hiện các yêu cầu bằng tiếng Việt.

- Chỉ nên sử dụng tiếng mẹ đẻ của trẻ khi cần giải thích nghĩa của các từ tiếng Việt mang tính khái niệm trừu tượng mà không có đồ dùng trực quan nào thay thế được hoặc giải thích ý nghĩa của các câu chuyện khi trẻ chưa hiểu (không nên lạm dụng tiếng mẹ đẻ)

- Có thể cho phép trẻ trao đổi với nhau (có thể là theo cặp đôi nam-nữ hay theo nhóm có cả bạn nam và bạn nữ) về một bài học, câu chuyện bằng tiếng mẹ đẻ trước khi bắt đầu vào nội dung bài học để trẻ hiểu nội dung trước khi nói tiếng Việt.

- Khi sử dụng phương pháp này giáo viên cần phải biết tiếng mẹ đẻ của trẻ, hoặc phải nhờ hỗ trợ ngôn ngữ từ học sinh lớn hơn hoặc cha mẹ (đây thực sự là khó khăn đối với giáo viên không phải là người địa phương).

c. Phương pháp dạy tiếng Việt thông qua sử dụng đồ dùng trực quan

Dù là trẻ mầm non học tiếng Việt hay trẻ dân tộc thiểu số học tiếng Việt như ngôn ngữ thứ hai thì việc sử dụng đồ dùng trực quan (đồ vật thật, đồ chơi, tranh ảnh, video…)

là phương tiện giúp trẻ học ngôn ngữ một cách hiệu quả và phù hợp nhất đối với trẻ em mầm non (kiểu tư duy trực quan hành động).

Phương pháp này giúp trẻ dễ dàng hình dung và hiểu biết sâu hơn về ý nghĩa của các từ và nội dung học, đồng thời khuyến khích trẻ tham gia tích cực vào quá trình học tập.

Ưu điểm của phương pháp này là: Tạo trải nghiệm về ngôn ngữ, về cuộc sống một cách sinh động và hấp dẫn. Điều này giúp trẻ dễ dàng hình dung, hiểu và ghi nhớ kiến thức một cách tốt hơn; Bên cạnh đó, sử dụng đồ dùng trực quan khuyến khích trẻ tham gia tích cực thông qua các hoạt động tương tác giữa trẻ với trẻ, giữa cô và trẻ thông qua trò chuyện, trò chơi … Trẻ được khuyến khích đặt câu hỏi, trao đổi ý kiến và chia sẻ quan điểm của mình, từ đó tạo ra một môi trường giao tiếp và tương tác hiệu quả bằng tiếng Việt; Phương pháp dạy học sử dụng đồ dùng trực quan giúp tạo ra các kết nối hình ảnh, cảm xúc và trải nghiệm thực tế trong quá trình hoạt động của trẻ, điều này giúp củng cố kiến thức và tăng cường khả năng ghi nhớ, áp dụng của trẻ khi sử dụng ngôn ngữ trong giải quyết các vấn đề thực tế.

Giáo viên lưu ý khi sử dụng phương pháp này:

- Lựa chọn đa dạng vật thật, đồ chơi, hình ảnh, video… khi tổ chức các hoạt động giáo dục ngôn ngữ cho trẻ

- Tận dụng những đồ vật gần gũi dễ kiếm ở địa phương và sử dụng công nghệ thông tin một cách hợp lí để tạo ra một môi trường học tập hiện đại và thú vị đối với trẻ. Sử dụng đồ dùng trực quan một cách linh hoạt và sáng tạo trong quá trình giảng dạy.

- Đảm bảo sự tương tác và tham gia của trẻ trong các hoạt động. Đảm bảo cả trẻ trai và trẻ gái được tham gia tích cực trong quá trình học tập và có cơ hội tương tác với các nội dung trực quan.

- Có nhạy cảm giới trong lựa chọn các đồ vật thật, đồ chơi, hình ảnh, video…đảm bảo cho cả trẻ trai và trẻ gái hiểu biết liên quan đến cuộc sống thường nhật mà không có định kiến giới. Trong quá trình tương tác, giáo viên cần nhận diện ra những khuôn mẫu giới, định kiến giới và phân biệt đối xử về giới để điều chỉnh, thay đổi.

Mỗi phương pháp có những ưu, nhược điểm nhất định và có mối liên hệ chặt chẽ với nhau. Không có phương pháp dạy học nào là hiệu quả tuyệt đối, vì vây, trong qua trình dạy tiếng Việt cho trẻ mẫu giáo vùng dân tộc thiểu số có thể sử dụng "nhiều hơn một" và thông qua các hoạt động khác nhau, đặc biệt là thông qua hoạt động giao tiếp và trò chơi. Chỉ trong trò chơi trẻ mới thực sự là một chủ thể tích cực, chủ động. Trẻ thích trò chuyện với nhau và chủ động vận dụng những ấn tượng, kinh nghiệm đã có khi trò chuyện, bằng cách đó ngôn ngữ của trẻ được phát triển nhanh chóng. Thẻ EL trong bộ công cụ ELM như một ngân hàng hoạt động/trò chơi học tập, đây sẽ là phương tiện hỗ trợ tích cực, phù hợp trong quá phát triển ngôn ngữ mẹ đẻ nói chung và tiếng Việt cho trẻ mẫu giáo vùng dân tộc thiểu số nói riêng.

5.1.3.3. Giáo viên cần lưu ý/nguyên tắc khi dạy tiếng Việt cho trẻ dân tộc

- Nội dung kiến thức phải gần gũi, dễ hiểu, hấp dẫn và gắn liền với kinh nghiệm sống và ngôn ngữ hàng ngày của trẻ, phải dựa trên "cái đã biết" để dạy "cái chưa biết" phù hợp với vốn sống/kinh nghiệm của trẻ và phù hợp với văn hóa của địa phương.

- Tạo môi trường giàu ngôn ngữ an toàn, thân thiện, phong phú nhằm khuyến khích, tạo cho trẻ sự tự tin, không lo lắng khi học nói tiếng Việt. Thời gian đầu học tiếng Việt có thể chấp nhận sự "im lặng" nhất định của trẻ, không ép trẻ nói khi trẻ chưa sẵn sàng. Đây là thời gian trẻ tự tích luỹ/tiếp thu bằng cách lắng nghe giáo viên trò chuyện với những trẻ khác và sau đó trẻ sẽ tự nói ra. Khoảng im lặng này dài, ngắn khác nhau phụ thuộc vào các yếu tố tâm lý, sự tự tin của từng đứa trẻ và sự hỗ trợ phù hợp của giáo viên.

- Quá trình dạy và học trẻ nói tiếng Việt nên chú trọng nhiều về nghĩa hơn là tập trung vào tính chính xác của từ ngữ cần biểu đạt. Có nghĩa là tập trung vào nội dung trẻ muốn nói hơn là nói đúng từ vựng, cấu trúc ngữ pháp (điều này sẽ thực hiện trong các bài học chính thống).

- Giáo viên không nên sửa lỗi ngay sau khi trẻ nói, vì như vậy trẻ sẽ bị gián đoạn quá trình giao tiếp, mất tự tin. Việc sửa lỗi sẽ làm cho trẻ lo lắng, chúng ta hãy coi việc mắc lỗi là đương nhiên của quá trình học một ngôn ngữ mới. Việc sửa lỗi cần được thực hiện vào một thời điểm thích hợp và mang tính khích lệ để trẻ cảm thấy tự tin, mạnh dạn trong quá trình học (s*ửa lỗi sau khi giao tiếp đã kết thúc hoặc có thể cho cả lớp đọc lại lỗi đó để trẻ cảm thấy tự tin hơn).*

- Sử dụng đa dạng các phương pháp, hình thức tổ chức để giúp trẻ nói tiếng Việt: thông qua bài hát, ca dao đồng dao, tranh ảnh và trò chơi.

- Giáo viên luôn ý thức khi sử dụng ngôn ngữ trong quá trình dạy học cho trẻ vùng dân tộc thiểu số: nói chậm, rõ ràng, nhắc lại nhiều lần; sử dụng từ ngữ gần gũi với cuộc sống; cho trẻ làm quen trước các từ mới của bài học, câu chuyện và giải thích ngắn gọn đơn giản.

- Tạo cơ hội cho trẻ giao tiếp thường xuyên bằng tiếng Việt thông qua các hoạt động tập thể và mọi lúc mọi nơi bằng cách tạo ra các tình huống đa dạng để trẻ có thể thực hành nghe - nói tiếng Việt.

- Tôn trọng và quan tâm đến đặc điểm cá nhân và cách học của từng trẻ. Giáo viên cần vận dụng phương pháp dạy tiếng Việt phù hợp cho từng đối tượng trẻ và tạo động lực, khuyến khích trẻ nói và không nên so sánh giữa trẻ này với trẻ khác.

- Cần tránh các ví dụ, liên hệ mang tính khuôn mẫu giới, định kiến giới trong khi tương tác với trẻ.

5.2. Nội dung 2: BỘ CÔNG CỤ ELM VÀ MỐI QUAN HỆ GIỮA THẺ EL VỚI LĨNH VỰC PHÁT TRIỂN NGÔN NGỮ TRONG CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC MẦM NON ĐẢM BẢO BÌNH ĐẲNG GIỚI

5.2.1. Hoạt động 1. Giới thiệu bộ công cụ ELM và mối quan hệ giữa thẻ hoạt động EL với Chương trình giáo dục mầm non

Câu hỏi thảo luận

Học viên tham khảo tài liệu, trao đổi và thảo luận các vấn đề sau:

1. Bộ công cụ ELM là gì? Mục đích vai trò của bộ công cụ ELM trong việc phát triển kĩ năng đọc viết sớm cho trẻ MN nói chung và cho trẻ DTTS nói riêng.

2. Nghiên cứu các thẻ EL (hoạt động đọc viết trong cuốn số 4 "Thẻ hoạt động cho giáo viên") và chia sẻ thông tin về bộ thẻ và giải thích cấu trúc của 1 thẻ EL có mối liên hệ gì với kế hoạch giáo dục (giáo án), có thể điều chỉnh như thế nào cho phù hợp với mục tiêu các hoạt động giáo dục trong chương trình GDMN?

3. Hãy tìm mối liên hệ giữa nội dung các thẻ EL- hoạt động đọc viết trong bộ công cụ ELM với nội dung phát triển ngôn ngữ trong Chương trình giáo dục mầm non?

Chia sẻ thông tin với cả lớp.

Thông tin phản hồi:

5.2.1.1. Giới thiệu bộ công cụ ELM



Bộ công cụ ELM là sản phẩm của Tổ chức Cứu trợ Trẻ em (SCI) nhằm hỗ trợ phát triển kĩ năng đọc viết cho trẻ trong các cơ sở giáo dục mầm non và gia đình. Bộ công cụ này gồm 7 quyển: Q1. Giới thiệu tổng quan; Q2- Q4 tài liệu dành cho giáo viên mầm non, trong đó Q4 là ngân hàng thẻ hoạt động tổ chức cho trẻ để làm quen với đọc viết và toán;

Q5-Q7 tài liệu dành hướng dẫn cho cha mẹ, trong đó Q7 là ngân hàng thẻ hoạt động để cha mẹ hỗ trợ trẻ làm quen với đọc viết và toán[2]

5.2.1.2. Giới thiệu thẻ hoạt động EL- làm quen với đọc viết trong bộ công cụ ELM

Trong mô đun này, tập trung vào các thẻ EL - hướng dẫn tổ chức hoạt động làm quen với đọc viết cho trẻ mẫu giáo vùng dân tộc thiểu số. Thẻ hoạt động EL gồm 60 thẻ được đánh số từ EL1 đến EL60[3]. Mỗi thẻ là một hoạt động/hoặc trò chơi tổ chức, được thiết kế đơn giản, gần gũi, sinh động, gắn với các nội dung giáo dục và hoạt động của trẻ ở trường mầm non. Đây là một ngân hàng hoạt động phong phú có thể hỗ trợ đắc lực cho giáo viên trong việc tổ chức các hoạt động để phát triển ngôn ngữ và hình thành các kỹ năng ban đầu về đọc, viết cho trẻ em nói chung và phát triển ngôn ngữ tiếng Việt cho trẻ em vùng dân tộc thiểu số nói riêng (nếu được điều chỉnh cho phù hợp với đặc điểm của từng địa phương).

a. Về nội dung: Bộ thẻ EL trong bộ công cụ ELM có 5 nội dung cơ bản để hình thành kĩ năng ban đầu về đọc viết cho trẻ mẫu giáo. Đây là tiền đề cho việc hình thành và phát triển các kĩ năng nghe nói, đọc viết sau này ở trường phổ thông. Cụ thể:

- *Trò chuyện và lắng nghe*: Trẻ nghe hiểu và sử dụng ngôn ngữ thông qua nghe, nói để tiếp nhận từ mới

- *Kiến thức về bảng chữ cái*: trẻ biết tên gọi và cấu tạo các chữ cái trong bảng chữ cái tiếng Việt

- *Hiểu về chữ viết*: trẻ hiểu được chức năng và ý nghĩa của chữ viết là ghi lại những kí hiệu, từ ngữ.

- *Hiểu về sách:* trẻ hiểu về sách, cách giở sách, bước đầu hình thành thói quen ”đọc sách” và cách làm những quyển sách

- *Hiểu từ và âm:* Trẻ phân biệt và bắt chước các âm thành của ngôn ngữ (phát âm các chữ cái), hiểu rằng các chữ cái kết hợp với nhau thành các âm và từ

b. Về cấu trúc của thẻ hoạt động: Các thẻ EL trong bộ công cụ ELM được thiết kế đơn giản, dễ sử dụng cho giáo viên. Mỗi thẻ hoạt động gồm:

- *Mã số thẻ:* ký hiệu của hoạt động và *Tên hoạt động*: Tên gọi ngắn gọn, gần gũi với trẻ, dễ nhớ và phản ánh một phần nội dung hoạt động.

- *Mô tả*: ghi tóm tắt, nội dung cốt lõi hoạt động.

- *Kỹ năng cơ bản*: là kỹ năng chính sẽ được phát triển cho trẻ thông qua hoạt động.

- *Kỹ năng bổ trợ*: các kĩ năng khác được tích hợp liên quan đến kỹ năng cơ bản.

---

[2] Tham khảo trang https://elm-vietnam.edu.vn/bo-cong-cu-elm.

[3] Trong cuốn số 4 ”Thẻ hoạt động cho giáo viên” trong bộ công cụ ELM.

- *Đồ dùng*: những công cụ, phương tiện cần thiết để tổ chức hoạt động

- *Hoạt động*: hướng dẫn chi các bước, phương pháp, kỹ thuật thực hiện hoạt động.

- *Thay đổi và mở rộng*: là những gợi ý các cách khác nhau cho phù hợp với đặc điểm của từng trường/lớp/địa bàn những vẫn đảm bảo mục tiêu của nội dung hoạt động hoặc có thể tăng độ khó của hoạt động cho phù hợp với mức độ phát triển cao hơn của 1 nhóm trẻ. Đây chỉ là những gợi ý để giáo viên tham khảo và tự mình lựa chọn cách thức thay đổi và mở rộng nào cho phù hợp với mức độ phát triển của từng đối tượng trẻ của lớp mình và điều kiện thực tiễn của trường, lớp, địa phương.

Các hoạt động trong bộ thẻ EL được thiết kế khá chi tiết, dễ hiểu, giúp giáo viên dễ dàng tiếp cận và vận dụng không chỉ trong việc phát triển kĩ năng đọc viết và còn có thể vận dụng vào các lĩnh vực phát triển nhận thức và tích hợp được nhiều kĩ năng khác trong chương trình giáo dục mầm non. Các hoạt động được thiết kế phần lớn chỉ cần những đồ dùng, đồ chơi đơn giản, các vật liệu từ thiên nhiên hoặc tận dụng những đồ dùng sẵn có trong lớp/trong gia đình phù hợp với đặc điểm của trẻ và điều kiện của các trường/lớp mầm non vùng dân tộc thiểu số trong việc phát triển kĩ năng ban đầu về đọc viết. Tuy nhiên, bộ thẻ này không phải là bất biến mà giáo viên có thể điều chỉnh cho phù hợp với đặc điểm phát triển của lớp mình.

5.2.1.3. Mối quan hệ giữa nội dung bộ thẻ EL với nội dung phát triển ngôn ngữ trong Chương trình giáo dục mầm non

Các nội dung của bộ thẻ EL hoạt động phát triển kĩ năng ban đầu về đọc -viết trong bộ công cụ ELM có sự liên quan chặt chẽ với các nội dung phát triển ngôn ngữ trong Chương trình giáo dục mầm non. Cụ thể được thể hiện trong bảng 3 dưới dây:

Bảng 2: Mối quan hệ giữa bộ thẻ EL – hoạt động đọc viết với nội dung nội dung phát triển ngôn ngữ trong Chương trình giáo dục mầm non

TT	Nội dung hoạt động đọc - viết trong bộ thẻ EL	Mã thẻ EL	Nội dung phát triển ngôn ngữ trong chương trình GDMN
1	**Trò chuyện và lắng nghe**	EL1, EL2, EL3, EL4, EL5, EL6, EL7, EL8, EL9, EL10, EL16, EL17; EL25, EL29, EL30, EL32, EL33,	* ***Nghe*** - Nghe các từ chỉ người, sự vật, hiện tượng, đặc điểm, tính chất, hoạt động và các từ biểu cảm, từ khái quát. - Nghe lời nói trong giao tiếp hằng ngày. - Nghe kể chuyện, đọc thơ, ca dao, đồng dao phù hợp với độ tuổi **** Nói***

		EL34, EL37, EL39; EL40, EL41	- Phát âm rõ các từ tiếng Việt thông qua trả lời các câu hỏi và trong giao tiếp - Bày tỏ nhu cầu, tình cảm và hiểu biết của bản thân bằng các loại câu khác nhau. - Đọc thơ, ca dao, đồng dao và kể chuyện.
2	**Kiến thức về bảng chữ cái**	EL11, EL12, EL22, EL23, EL24, EL28, EL31, EL35, EL42, EL43, EL47, EL48, EL54	* ***Làm quen với đọc viết*** - Nhận dạng các chữ cái. - Phát âm đúng các âm trong bảng chữ cái
3	**Hiểu về chữ viết**	EL46, EL49, EL50, EL51, EL52, EL53, EL55, EL59,	* ***Làm quen với đọc viết*** - Nhận biết vị trí của các chữ cái trong từ - "Đọc" truyện qua các tranh vẽ - Tập tô, tập đồ các nét chữ. - Sao chép một số kí hiệu, chữ cái, tên của mình. - Làm quen với một số ký hiệu thông thường trong cuộc sống (nhà vệ sinh, lối ra, nơi nguy hiểm, biển báo giao thông: đường cho người đi bộ,...)
4	**Hiểu về sách**	EL13, EL18, EL19, EL20, EL53, EL58	* ***Làm quen với đọc viết*** - Xem và «đọc» các loại sách tranh truyện khác nhau. - Cầm sách đúng chiều, mở sách, xem tranh và "đọc" truyện. - Phân biệt phần mở đầu, kết thúc của sách. - Làm quen với cách đọc viết tiếng Việt: (đọc, viết: từ trái sang phải, từ trên xuống dưới)
5	**Hiểu từ và âm**	EL14, EL5, EL 21, EL 27, EL36, EL38, EL44,	**** Nghe-nói*** - Phát âm đúng các âm trong bảng chữ cái tiếng Việt.

		EL45, EL56, EL57, EL60	- Phát âm rõ các từ tiếng Việt thông qua trả lời các câu hỏi và trong giao tiếp - Sử dụng đúng từ ngữ và câu trong giao tiếp hằng ngày. - Trả lời và đặt câu hỏi.

Nội dung các thẻ hoạt động EL (bảng 3) có sự tương thích, phù hợp với mục tiêu và nội dung phát triển ngôn ngữ của trẻ trong Chương trình giáo dục mầm non. Trong quá trình vận dụng thẻ EL, giáo viên có thể điều chỉnh, lựa chọn các hoạt động và vận dụng thẻ một cách linh hoạt sao cho phù hợp. Một số hoạt động có thể sử dụng trọn vẹn thẻ EL làm nội dung trọng tâm, hoặc có thể sử dụng thẻ là một phần nội dung giáo dục trong từng hoạt động.

Bộ thẻ hoạt động EL không chỉ phát triển các kĩ năng ban đầu về đọc viết mà có thể sử dụng trong việc tổ chức các hoạt động phát triển các lĩnh vực khác thông qua hình thức tích hợp.

Ví dụ: thẻ EL1 ”miêu tả đồ vật”. Mục đích của thẻ này là giúp trẻ lắng nghe (những dấu hiệu về đồ vật và nói tên đồ vật theo dấu hiệu đã mô tả, sau đó trẻ có thể hiểu và mô tả lại cho bạn đoán, như vậy mục đích là phát triển ngôn ngữ nhưng đối tượng làm quen lại là khám phá về thế giới đồ vật/thực vật/động vật. Như vậy, thẻ EL1 có thể sử dụng các bước trong thẻ hoạt động như một trò chơi hoặc một phương pháp đàm thoại để cho trẻ khám phá khoa học. Đặc biệt từ hoạt động 4-7 là trẻ được thực hành bằng cách thay phiên nhau hỏi và trả lời (Giáo viên lưu ý gọi thay phiên/khuyến khích cả trẻ em trai và trẻ em gái tham gia). Hoặc hoạt động (6) cũng là những gợi ý để giáo viên điều chỉnh hoặc sáng tạo ra trò chơi mới phù hợp với mục tiêu của từng nội dung bài học và vận dụng trong chế độ sinh hoạt một ngày ở trường mầm non để củng cố/luyện tập kĩ năng. Đây chính là phương pháp dạy học lấy trẻ làm trung tâm khi trẻ được thực hành nhiều sẽ dễ nhớ và có thể nói ra, với hình thức này phù hợp với việc tăng cường tiếng Việt cho trẻ mẫu giáo vùng dân tộc thiểu số. Dưới đây là bảng gợi ý lựa chọn các thẻ hoạt động có thể vận dụng vào các lĩnh vực phát triển thể chất, nhận thức, tình cảm xã hội-thẩm mỹ để phát triển ngôn ngữ cho trẻ trong Chương trình giáo dục mầm non.

Bảng 3: Gợi ý một số thẻ EL tích hợp với các lĩnh vực khác trong chương trình giáo dục mầm non nhằm phát triển ngôn ngữ cho trẻ.

TT	Nội dung bộ thẻ EL	Tích hợp trong các lĩnh vực			Trong chế độ sinh hoạt
		Nhận thức	Thể chất	TCXH- TM	
1	Trò chuyện và lắng nghe	EL1, EL2, EL3, EL4, EL16, EL33,	EL25, EL29,	EL6, EL25, EL29, EL34,	Mỗi thẻ trong bộ EL như một hoạt

		EL37,EL39, EL40	EL32, EL33, EL34	EL37, EL39, EL40, EL41	động/trò chơi. Giáo viên có thể điều chỉnh nội dung hình thức tổ chức cho phù hợp với mục đích, nội dung (ôn tập, củng cố, làm quen trong chế độ sinh hoạt một ngày
2	Kiến thức về bảng chữ cái	EL12, EL43, EL47, EL48, EL54	EL28, EL31, EL35, EL42	EL11, EL22, EL42, EL43	
3	Hiểu về chữ viết	EL46, EL50, EL51, EL52, EL59	EL26, EL46, EL49, EL55	EL26, EL46, EL49, EL53, EL59	
4	Hiểu về sách		EL18	EL13, EL18, EL19 EL58	
5	Hiểu từ và âm	EL14, EL15, EL21, El38, EL44	EL14, EL27, EL38, EL45	EL14, EL27, EL36, EL38, EL45, EL56, EL57, EL60	

Tóm tắt cách sử dụng các thẻ hoạt động từ EL1-EL60 để phát triển ngôn ngữ và kỹ năng ban đầu về đọc-viết cho trẻ mẫu giáo vùng dân tộc thiểu số theo các cách sau:

Cách 1: Sử dụng các thẻ EL trong hoạt động giáo dục phát triển ngôn ngữ và hình thành kỹ năng ban đầu về đọc, viết cho trẻ mẫu giáo vùng dân tộc thiểu số phù hợp với mục tiêu của Chương trình giáo dục mầm non (Bảng 3)

Cách 2: Sử dụng các thẻ EL như công cụ hỗ trợ tích hợp trong các lĩnh vực phát triển nhận thức, phát triển thể chất, phát triển tình cảm xã hội và thẩm mỹ để phát triển ngôn ngữ và kĩ năng ban đầu về đọc viết cho trẻ mẫu giáo vùng dân tộc thiểu số. (Bảng 4)

Cách 3: Vận dụng các thẻ EL khác nhau để tổ chức trong hoạt động chơi, hoạt động trải nghiệm, trong chế độ sinh hoạt hàng ngày nhằm mục tiêu rèn luyện, củng cố và nâng cao kỹ năng ban đầu về đọc, viết và phát triển ngôn ngữ cho trẻ mẫu giáo dân tộc thiểu số (Bảng 3)

5.2.2. Hoạt động 2. Giới thiệu kiến thức cơ bản về giới, giới tính, bình đẳng giới và vận dụng trong giáo dục mầm non

Câu hỏi thảo luận

Học viên tham khảo tài liệu, trao đổi và thảo luận các vấn đề sau:

1. Giới, giới tính là gì? Phân biệt giữa hai khái niệm.

2. Vai trò giới, khuôn mẫu giới, định kiến giới và phân biệt đối xử về giới là gì?

3. Liên hệ vai trò giới, khuôn mẫu giới, định kiến giới và phân biệt đối xử về giới trong giáo dục mầm non?

4. Vận dụng các kiến thức này vào trong tổ chức các hoạt động giáo dục trong Chương trình giáo dục mầm non hướng tới việc xoá bỏ định kiến giới và phân biệt đối xử về giới với trẻ em trai và trẻ em gái.

Chia sẻ thông tin với cả lớp.

Thông tin phản hồi:

5.2.2.1. **Phân biệt giới tính và giới**

Giới tính là "định nghĩa nhằm chỉ những đặc điểm sinh học, sinh lý để xác định một cá thể là nam, nữ hoặc liên giới tính"[4]. Giới tính đề cập đến các đặc điểm sinh học (như hormone và cơ quan sinh dục) mà một người sinh ra đã có, thường được phân loại thành hai giới tính sinh học - *nam giới* và *nữ giới*. Tuy nhiên, có một số người khi sinh ra có sự khác biệt giữa cấu tạo cơ quan sinh dục và nhiễm sắc thể/ hormone giới tính, khiến họ không thuộc giới tính nam hay nữ theo định nghĩa thông thường. Những người này thuộc về '*liên giới tính*' ('intersex').

Các đặc điểm sinh học của nam và nữ được thể hiện ở cấu tạo cơ thể, đặc điểm sinh lý hay chức năng sinh sản[5]. Trong đó sự khác nhau rõ ràng nhất về giới tính giữa nam và nữ là chức năng sinh sản. Ví dụ: Nữ giới có buồng trứng, tử cung, kinh nguyệt, có thể mang thai, sinh đẻ, tiết sữa cho con bú. Nam giới có dương vật, tinh hoàn, có thể sản sinh tinh trùng để thụ thai.

Giới là tập hợp các *phẩm chất, hành vi* hoặc *vai trò* mà xã hội và văn hóa gán cho một người nào đó dựa trên giới tính của họ. Ví dụ, đàn ông/con trai nên có những phẩm chất và vai trò nhất định trong gia đình và xã hội; tương tự, phụ nữ/ con gái cũng được gán cho những phẩm chất và vai trò khác biệt so với nam giới.

Giới tính	**Giới**
Là đặc trưng sinh học; bẩm sinh, sinh ra đã có. *Giới tính mang đặc trưng sinh học, được quy định bởi hệ nhiễm sắc thể của một người ngay từ khi sinh ra.* Ví dụ: Nam có tinh hoàn, tinh trùng, nữ có thể buồng trứng, dạ con. Nam có hooc-môn sinh dục là testoterone còn nữ có hooc-môn sinh dục là estrogen và progesteron.	*Là đặc trưng văn hóa, xã hội; do học hỏi mà có.* *Giới là đặc điểm do xã hội tạo ra, nó quy định cách nghĩ, cách ứng xử với nhau của các thành viên trong xã hội.* Ví dụ: Quan niệm nam giới là trụ cột; nữ giới làm công việc nội trợ, chăm sóc các thành viên trong gia đình.
Đồng nhất, giống nhau trong cùng một giới, phổ biến trên toàn thế giới. Mọi nam giới và nữ giới trên khắp mọi vùng miền của thế giới đều có cấu tạo về mặt sinh học giống nhau.	*Đa dạng, khác nhau ở các quốc gia, vùng, miền và giữa các nền văn hóa. Chính vì vậy nó tạo ra sự khác biệt về giới ở các địa phương, dân tộc khác nhau.*

[4] Nguyễn Lê Hoài Anh. (2019). Công tác xã hội với người đồng tính, song tính và chuyển giới. Nxb Khoa học Xã hội.
[5] Quỹ Hỗ trợ sáng kiến tư pháp, 2015. Hướng dẫn Lồng ghép giới, trang 8.

Ví dụ: Ở mọi nơi, nữ giới đều có tử cung, buồng trứng, có thể mang thai. Nam giới đều có tinh hoàn, có thể sản xuất tinh trùng để duy trì nòi giống.	Ví dụ: Ở nhiều nơi, nam giới làm GV mẫu giáo hay nhà thiết kế thời trang giỏi; nhiều nữ giới cũng mạnh mẽ, quyết đoán hay là nhà kinh doanh giỏi.
Không thay đổi các đặc điểm liên quan đến chức năng sinh sản theo không gian và thời gian. Ví dụ: Nhờ tiến bộ của khoa học kỹ thuật, một số đặc điểm giới tính có thể thay đổi được, tuy nhiên, qua nhiều thế hệ, nam giới không thể mang thai, sinh con và nữ giới không thể cung cấp tinh trùng cho quá trình ấy.	*Có thể thay đổi theo quá trình phát triển dưới tác động của các yếu tố văn hóa, xã hội* Ví dụ: Trước đây nữ giới không hoặc ít được tham gia các hoạt động xã hội, làm công tác quản lý; ngày nay, nhiều nữ giới là tổng thống, thủ tướng. Trước đây nam giới không hoặc ít làm việc nhà; ngày nay, nhiều nam giới làm nội trợ và chăm sóc con cái.

*5.2.2.2.**Khuôn mẫu giới***

Khuôn mẫu giới là những mẫu hình, giá trị, niềm tin được định sẵn dựa trên giới tính của một người nào đó. Một số khuôn mẫu giới có hại ở chỗ chúng hạn chế khả năng thể hiện bản thân hoặc phát triển tiềm năng của một người vì họ phải tuân thủ các kỳ vọng được xã hội chấp nhận dựa trên những gì người khác xem là giới tính của họ. Ví dụ, "nữ công gia chánh" một khuôn mẫu giới phổ biến đối với phụ nữ/trẻ em gái. Một phụ nữ không đáp ứng được tiêu chuẩn này thường sẽ bị phê phán. Tương tự, khuôn mẫu giới thể hiện rất rõ trong quan niệm về nghề nghiệp – "nghề dành cho nam giới", "nghề dành cho phụ nữ". Trẻ em gái được mong đợi sẽ theo đuổi các "ngành nghề dành cho phụ nữ" như giáo viên, điều dưỡng viên; ngược lại, trẻ em trai được kỳ vọng phát triển trong các lĩnh vực khoa học tự nhiên, trở thành kỹ sư hay các nhà lãnh đạo. Hay trong gia đình, những công việc như rửa bát, quét nhà, chăm em thường dành cho trẻ em gái.

5.2.2.3. Định kiến giới, phân biệt đối xử dựa trên cơ sở giới

Định kiến giới là những nhận thức, thái độ và đánh giá thiên lệch, tiêu cực về đặc điểm, vị trí, vai trò và năng lực của nam hoặc nữ[6]. Ví dụ: trẻ em gái/phụ nữ bị cho là yếu ớt, dễ tổn thương và cần được bảo vệ, trong khi đó trẻ em trai/nam giới được cho là mạnh mẽ, độc lập, có tính cạnh tranh, nóng nẩy.

Phân biệt đối xử về giới là việc hạn chế, loại trừ, không công nhận hoặc không coi trọng vai trò, vị trí của nam và nữ, gây bất bình đẳng giữa nam và nữ trong các lĩnh vực của đời sống xã hội và gia đình[7]. Ví dụ, một số trẻ em gái thích chơi bóng đá nhưng có thể không được cha mẹ hoặc thầy cô khuyến khích.

Quan niệm của xã hội, cộng đồng về vai trò giới và khuôn mẫu giới khác nhau dành cho nam và nữ dẫn đến các định kiến giới và hệ quả sau cùng là sự phân biệt đối xử bất

[6] Luật Bình đẳng giới, 2006. Điều 5, Khoản 4.
[7] Luật Bình đẳng giới, 2006. Điều 5, Khoản 5.

bình đẳng đối với nam và nữ.

Có thể thấy qua ví dụ trên, nhận thức về giới của các cá nhân bao gồm cha mẹ, thầy cô sẽ ảnh hưởng đến việc tiếp cận công bằng tới các cơ hội học tập, tham gia hoạt động hướng nghiệp và phát triển nghề nghiệp... của trẻ em trai và trẻ em gái từ độ tuổi còn rất nhỏ. Do vậy, trong hoạt động giáo dục, giáo viên cần chú ý tới đặc điểm giới, giới tính của từng cá nhân học sinh, từng vùng, miền, để tạo cơ hội như nhau và điều kiện phù hợp cho các em trong việc khám phá bản thân. Mục đích cuối cùng là phát huy tối đa tiềm năng của học sinh mà không bị cản trở bởi định kiến giới và phân biệt đối xử về giới. Việc hình thành nhận thức về giới và vai trò giới chủ yếu được học qua các môi trường xung quanh như gia đình, bạn bè, trường học. Cụ thể, ngay từ khi mới sinh ra, trẻ em trai và trẻ em gái đã được gia đình, nhà trường và cộng đồng quan tâm, mong đợi và đối xử khác nhau, đồng thời các em có những trải nghiệm khác nhau trong cuộc sống do giới tính của mình. Xã hội hoá về giới đóng vai trò quan trọng dẫn tới phân biệt đối xử trên cơ sở giới và bạo lực trên cơ sở giới sau này[8].

Với trẻ em từ ba tuổi trở lên, môi trường giáo dục trở thành không gian quan trọng thứ hai của quá trình xã hội hóa giới, chỉ sau gia đình. Các chuẩn mực giới, thái độ và thực hành về giới thể hiện trong các môi trường giáo dục tác động lớn đến sự phát triển của trẻ. Việc giáo viên có những thành kiến và khuôn mẫu giới nhất định, nếu như không thay đổi trong quá trình tương tác với học sinh thì họ sẽ vô tình chuyển tai những khuôn mẫu và thành kiến này thông qua các ví dụ, thái độ hay tương tác trong lớp học với học sinh. Ví dụ, giáo viên chỉ chú trọng dạy sự gọn gàng, ngăn nắp và giao những công việc tỉ mỉ cho các bé gái. Hay thể hiện thái độ ngăn cản khi các bé gái chơi ở góc xây dựng hay các đồ chơi sửa chữa, ô tô.

Bình đẳng giới, đáp ứng giới

Bình đẳng giới *là việc nam, nữ có vị trí, vai trò ngang nhau, được tạo điều kiện, cơ hội nhằm phát huy năng lực của mình cho sự phát triển của cộng đồng, của gia đình và thụ hưởng như nhau về thành quả của sự phát triển đó*[9].

Bình đẳng giới không phải là việc phủ nhận những khác biệt giữa nữ và nam, cũng không phải là việc làm cho nữ và nam giống hệt nhau. Bình đẳng giới liên quan đến việc đem lại những cơ hội như nhau và điều kiện phù hợp cho cả nữ lẫn nam[10].

Bình đẳng giới trong giáo dục là việc đảm bảo nam và nữ được đối xử công bằng, cùng được tiếp cận các cơ hội học tập và hưởng lợi từ quá trình giáo dục. Cả nam và nữ được trao quyền và được phát huy tối đa tiềm năng bản thân để đóng góp cũng như hưởng lợi từ sự phát triển kinh tế, chính trị, văn hoá và xã hội một cách bình đẳng. Tiến hành các hành động/các biện pháp nhằm xoá bỏ những rào cản về mặt văn hoá và lịch sử

[8] VVOB Việt Nam & Trung tâm nghiên cứu về Giới, Gia đình và Môi trường trong phát triển. (2019). *Bộ tài liệu hướng dẫn học thông qua chơi có đáp ứng giới. Quyển 1-Giới thiệu chung về giới trong giáo dục mầm non.* Nhà xuất bản Hồng Đức.
[9] Luật Bình đẳng giới, 2006. Điều 5, Khoản 3
[10] UNESCO 2005. Khóa e-leaning. Tài liệu 1 - Các thuật ngữ về giới, trang 13

ngăn cản nam, nữ người học bình đẳng tiếp cận và được hưởng lợi từ quá trình giáo dục[11].

Đáp ứng giới thể hiện mức độ chuyển hóa từ nhận thức thành hành động thực tiễn để cải thiện tình trạng bất bình đẳng giới[12]. Phương pháp tiếp cận đáp ứng giới trong giáo dục nhấn mạnh đến việc xác định và đáp ứng các nhu cầu riêng biệt của trẻ và loại bỏ các khuôn mẫu và thành kiến giới dẫn đến phân biệt đối xử và cản trở sự phát triển năng lực toàn diện và bản sắc của trẻ[13].

5.2.2.4. Vận dụng kiến thức về giới trong lựa chọn, điều chỉnh thẻ EL cho trẻ mẫu giáo vùng DTTS

Để đảm bảo hoạt động giáo dục mầm non đáp ứng giới, giáo viên cần lưu ý:

- Nhận diện định kiến giới, phân biệt đối xử trên cơ sở giới có tác động tiêu cực đến cảm xúc, sự phát triển của trẻ em trai và trẻ em gái. Lưu ý: các rào cản về giới có thể đến từ cộng đồng, gia đình, trường học và bạn bè.
- Nhận diện và xóa bỏ các định kiến giới của bản thân giáo viên và hình thành các quan điểm giới tích cực. Trong quá trình tổ chức các hoạt động giáo dục, giáo viên cần:
  + Tạo cơ hội tương tác cho tất cả trẻ trai và trẻ gái, đều được tham gia hoạt động, thực hành 1 lần trong mỗi hoạt động.
  + Cần tăng cường các hoạt động trao đổi, chia sẻ, nhận diện các vấn đề giới trong quá trình trẻ thực hành và có sự điều chỉnh kịp thời.
  + Khi thiết kế các hoạt động thực hành/trải nghiệm (tình huống, trò chơi, sử dụng các phương tiện…) đảm bảo để có thể rèn kĩ năng tốt nhất và gây được hứng thú cho tất cả trẻ trai và trẻ gái.
  + Trong quá trình tổ chức các hoạt động giáo dục cần quan sát sự thay đổi nhận thức, thái độ và hành vi của trẻ về giới để điều chỉnh kịp thời.

5.3. Nội dung 3: HƯỚNG DẪN VẬN DỤNG THẺ HOẠT ĐỘNG EL HỖ TRỢ PHÁT TRIỂN KĨ NĂNG ĐỌC VIẾT CHO TRẺ MẪU GIÁO VÙNG DÂN TỘC THIỂU SỐ THEO CHƯƠNG TRÌNH GDMN ĐẢM BẢO BÌNH ĐẲNG GIỚI

5.3.1. Hoạt động 1: Nguyên tắc lựa chọn, điều chỉnh thẻ EL để phát triển kĩ năng đọc, viết cho trẻ mẫu giáo vùng DTTS

Câu hỏi thảo luận

1. Khi lựa chọn và điều chỉnh thẻ EL phải đảm bảo các nguyên tắc nào? Tại sao?

2. Dựa vào các nguyên tắc trên, mỗi nhóm lựa chọn và điều chỉnh 1 thẻ EL phù hợp với khả năng phát triển ngôn ngữ của từng trẻ.

[11] UNESCO, 2015. Hướng dẫn bình đẳng giới trong chính sách và thực tiễn đào tạo giáo viên. Xuất bản năm 2015 bởi UNESCO, số 7, Place de Fontenoy, 75352 Paris 07SP, Pháp. Chuyên đề 1 – Hiểu biết về giới, trang 9

[12] VVOB Việt Nam & Trung tâm nghiên cứu về Giới, Gia đình và Môi trường trong phát triển. (2019). (đã dẫn).

[13] Room to Read, 2022. Teacher Training Manual: Life Skill Education. Girls' Education Program.

Thông tin phản hồi

Khi lựa chọn và điều chỉnh thẻ EL để phát triển kĩ năng đọc viết cho trẻ mẫu giáo vùng DTTS cần đảm bảo các nguyên tắc sau:

5.3.1.1. Đảm bảo sự kết nối với mục tiêu phát triển ngôn ngữ trong chương trình GDMN

Như mục 5.2.1.1 ở nội dung 2 đã xác định bộ công cụ ELM có mối liên hệ chặt chẽ với các nội dung giáo dục phát triển nhận thức (toán) và phát triển ngôn ngữ. Trong mô đun này tập trung vào bộ thẻ EL phát triển kĩ năng ban đầu về đọc – biết cho trẻ mẫu giáo vùng DTTS.

Khi lựa chọn thẻ hoạt động EL, giáo viên cần phải điều chỉnh cho phù hợp với mục tiêu phát triển ngôn ngữ trong chương trình GDMN. Mỗi thẻ EL được thiết kế như một kế hoạch bài học, trò chơi được vận dụng phương pháp và hình thức tổ chức Học thông qua chơi.

Vì vậy, trước khi vận dụng thẻ EL, giáo viên cần rà soát mục tiêu phát triển ngôn ngữ trong chương trình, mục tiêu cần đạt của từng hoạt động và bài học, từ đó xác định thẻ EL nào có thể được vận dụng được trong suốt tiến trình bài học, thẻ nào chỉ sử dụng như một hình thức để củng cố, luyện tập…

Ví dụ: thẻ **EL1 "Miêu tả đồ vật" –** khi sử dụng vào chủ đề nào thì có thể điều chỉnh tên gọi cho phù hợp. Chẳng khi học chủ đề PTGT có thể gọi tên "Miêu tả phương tiện giao thông"; khi học về con vật gọi tên "Miêu tả các con vật"…

- Trong mục **mô tả** yêu cầu: *"Trẻ nói với bạn của mình thông tin về một đồ vật/con vật/hoa quả, phương tiện giao thông"* chúng ta sử dụng thẻ này vào nhiều chủ đề trong nội dung khám khá khoa học: "Động vật, thực vật, đồ vật, phương tiện giao thông…".
- Phần **kĩ năng cơ bản** của thẻ EL1 là "Trò chuyện và lắng nghe" như vậy hoàn toàn tương thích với lĩnh vực phát triển ngôn ngữ trong chương trình GDMN về kĩ năng nghe – nói.
- **Kĩ năng bổ trợ** trong thẻ là kĩ năng so sánh, đo lường
- **Đồ dùng:** là một số đồ dùng, đồ chơi sẵn có trong lớp, hoặc tranh ảnh, lô tô. (Động vật, thực vật, đồ vật, phương tiện giao thông….). Mỗi bài học chỉ chọn từ 3-5 đồ vật tùy theo độ tuổi).
- **Hoạt động:** (ví dụ: chọn chủ đề về phương tiện giao thông). Trong phần này thẻ mô tả/hướng dẫn giáo viên cách làm theo 8 bước, nghiên cứu kĩ thẻ chúng ta có thể rút gọn lại thành 4 bước:

  + *Bước 1:* GV cho trẻ tìm hiểu PTGT theo kinh nghiệm của từng trẻ bằng cách cho trẻ tự nói tên những PTGT mà trẻ đã nhìn thấy/biết. Sau đó GV đọc các câu đố về xe đạp, xe máy, ô tô để cho trẻ đoán (tạo hứng thú cho trẻ vào bài học và chốt lại 3 PTGT sẽ tìm hiểu).

+ *Bước 2*: (làm mẫu từ bước 1-3) và viết gọn lại. GV chuẩn bị 3 tranh xe đạp, xe máy, ô tô (hoặc 3 đồ chơi cho vào hộp). GV mô tả lần lượt từng phương tiện (không cho trẻ nhìn mà). ví dụ: "Đố các con: xe có 2 bánh, có tay lái để điều chỉnh hướng đi, làm bằng kim loại, đạp bằng chân" đó là xe gì? Trẻ nói: đó là xe đạp. GV có thể mở rộng vốn từ cho trẻ "tay lái của xe đạp còn gọi là ghi đông". Tiếp tục với các PTGT khác.

+ *Bước 3*: Trẻ thực hành theo nhóm cặp đôi (nên cho trẻ chơi trò chơi kết bạn và yêu cầu kết 1 bạn trai và 1 bạn gái để tạo thành đôi): 1 trẻ mô tả, 1 trẻ đoán tên. Sau đó đổi ngược lại. (Mỗi nhóm chọn 1 thẻ phương tiện giao thông). Sau đó nhóm đổi đồ chơi/thẻ cho nhau (chuyển theo chiều kim đồng hồ). Sau đó tiếp tục đổi đồ vật để đảm bảo rằng mỗi trẻ sẽ được thực hành với tất cả các đồ dùng đã chuẩn bị, như vậy trẻ nào cũng có cơ hội nghe và nói.

+ Bước 4: **(phần thay đổi và mở rộng).**

Mở rộng: Cho trẻ so sánh xe đạp và xe máy; xe máy và ô tô để phát hiện ra sự giống và khác nhau của các PTGT.

***Thay đổi*:** Tổ chức thực hiện dưới hình thức 1 trò chơi. GV thực hiện 1 trong 3 cách, tùy vào nội dung của từng bài học để chọn hình thức cho phù hợp – ví dụ: trò chơi "Phương tiện giao thông nào biến mất"

- Luật chơi: tất cả trẻ nhắm mắt và chỉ được mở mắt khi bạn nói xong câu: *"đố các bạn biết đó là gì?".*
- Cách chơi: Cô đặt 3 đồ vật ở giữa lớp trong một vòng tròn, yêu cầu cả lớp nhắm mắt cho 1 trẻ xung phong lên chọn 1 PTGT mà trẻ thích, sau đó miêu tả về những đặc điểm của PTGT đó (chọn những cháu khả năng TV tốt) và giấu đi và nói đố các bạn đó là PTGT nào? sau đó tiếp tục với các PTGT khác. Sau khi chơi xong GV có thể cho trẻ khó khăn về ngôn ngữ nhắc lại các đặc điểm của từng PTGT. (đây như là một hình thức thực hành lần 2 và tạo cho trẻ tương tác với nhau).

Qua phân tích thẻ EL1 cho thấy các nội dung, kĩ năng và hoạt động gợi ý trong thẻ phù hợp với mục tiêu trong lĩnh vực phát triển ngôn ngữ và nhận thức trong chương trình GDMN và cấu trúc của thẻ cũng gần với cấu trúc của Kế hoạch bài học (giáo án) mà giáo viên đang thực hiện. Như vậy, GV có thể sử dụng thẻ như một kế hoạch bài học về khám phá khoa học và phát triển ngôn ngữ cho trẻ thông qua các đồ vật. Giáo viên chỉ bổ sung một 1-2 hình thức gây hứng thú và chốt lại bài học bằng trò chơi như vậy bài học có thể đáp ứng cả cách tiếp cận Học thông qua chơi.

Với sự hỗ trợ của bộ thẻ EL, GV có thể vận dụng trò chuyện và lắng nghe trong tất cả các hoạt động ở các lĩnh vực khác nhau để phát triển kĩ năng nghe nói cho trẻ nói chung và trẻ em DTTS nói riêng.

5.3.1.2. Đảm bảo phù hợp với khả năng (năng lực) ngôn ngữ của từng nhóm trẻ

- Phát triển ngôn ngữ của trẻ mầm non đều trải qua những 4 giai đoạn và qui luật

phát triển như nhau. Tuy nhiên, mỗi trẻ là cá nhân riêng biệt không giống nhau nên sự phát triển ngôn ngữ theo một cách khác nhau có trẻ phát triển chậm, có trẻ nhanh; có trẻ không đồng đều lúc nhanh lúc chậm, vì vậy, giáo viên cần chú ý đến đặc điểm phát triển của từng cá nhân trẻ để có biện pháp hỗ trợ phù hợp.

- Như trong mục ***5.1.2.1*** đã trình bày, sự phát triển ngôn ngữ mẹ đẻ hay ngôn ngữ thứ 2 cho trẻ DTTS đều phụ thuộc vào các yếu tố như: đặc điểm tâm lý (trẻ mạnh dạn hay nhút nhát); khả năng nhận thức về thế giới xung quanh, đặc biệt là môi trường gia đình và môi trường sống của đứa trẻ ảnh hưởng rất nhiều đến khả năng ngôn ngữ của trẻ. Thực tiễn cũng cho thấy, trẻ trong một lớp cùng độ tuổi những khả năng ngôn ngữ cũng khác nhau. Chẳng hạn, có những trẻ 3 tuổi nhưng khả năng ngôn ngữ có thể phát triển ở mức 4 tuổi thậm chí 5 tuổi và ngược lại có những trẻ 4-5 tuổi khả năng giao tiếp ngôn ngữ cũng chỉ bằng đứa trẻ 3 tuổi. Vậy mỗi đứa trẻ là một cá nhân, thể chất, tính tình khác nhau mà mỗi trẻ cũng có cách phát triển và thích nghi với hoàn cảnh khác nhau. Vì vậy, trong quá trình vận dụng các thẻ hoạt động EL giáo viên cần điều chỉnh và đưa ra các mức độ khác nhau để phù hợp với từng trẻ. Khi dạy trẻ chúng ta phải luôn nhớ 3 qui luật cơ bản:

  + Tất cả trẻ đều phát triển theo một thứ tự và giai đoạn nhất định.

  + Mỗi đứa có cá tính riêng

  + Và có lối phát triển riêng.

- Mỗi trẻ có tốc độ, phát triển ngôn ngữ khác nhau. Cách tiếp cận không giống nhau. Vì vậy trong quá trình tổ chức hoạt động giáo viên quan tâm, hỗ trợ nhiều hơn đến những trẻ chậm phát triển, hướng dẫn trẻ ngôn ngữ tiếng Việt tốt hơn hỗ trợ các bạn nói tiếng Việt kém hơn.

- Như vậy, việc dạy tiếng Việt cho trẻ mẫu giáo DTTS được xem như bước hình thành những năng lực ngôn ngữ cho trẻ. Như phát âm, nghe hiểu, nói và khả năng sử dụng vốn từ. Đặc biệt, là khả năng nói rõ ràng, rành mạch tiếng Việt. Song song với đó là việc trang bị cho trẻ một số kỹ năng đọc và viết đơn giản để chuẩn bị cho trẻ sẵn sàng vào tiểu học một cách dễ dàng hơn.

- Vậy năng lực là gì? Theo De Ketele (1995), năng lực là một tập hợp trật tự các kĩ năng (các hoạt động) tác động lên nội dung trong một loại tình huống cho trước để giải quyết vấn đề đã đặt ra.
  * ***Năng lực*** = (những kĩ năng x nội dung) x những tình huống hoặc

    = Những mục tiêu x những tình huống

- Hay nói các khác "*Năng lực là sự tích hợp các kĩ năng tác động một các tự nhiên lên các nội dung trong một loại tình huống cho trước để giải quyết vấn đề do những tình huống này đặt ra".*

Ví dụ: Khi vận dụng thẻ EL1 (đã được điều chỉnh ở mục 5.3.1.1) để phân tích, làm rõ hơn khái niệm năng lực trên nội dung cụ thể của thẻ EL1.

Nội dung / Kĩ năng	Các phương tiện giao thông	Tranh/ảnh /lô tô về các PTGT	Các PTGT được mô miêu tả bằng lời nói
Nghe - nói	Nghe hướng dẫn của GV và nói được tên các PTGT (Bước 2 +3)	Nói được tên các bộ phận (cấu tạo) của các PTGT	Mô tả bằng lời cấu tạo của PTGT để nhận biết tên gọi.
So sánh – phân biệt	Tìm ra những điểm giống nhau giữa xe đạp và xe máy; xe máy và ô tô. (bước 4)	Tên các bộ phận giống và khác nhau	Nói to rõ ràng về những đặc điểm giống và khác nhau của các PTGT
Biểu diễn bằng cách khác	Vẽ các 1-2 PTGT mà trẻ thích (đảm bảo sự tự chủ của trẻ)	Các tranh vẽ đã hoàn thành	Trẻ có thể giải thích lí do vì sao trẻ thích vẽ PTGT đó. Cho trẻ tự nói cần làm gì khi tham gia giao thông (đi xe ngoài đường) – Nội dung giáo dục.

Với cách làm như vậy, trẻ được phát triển ngôn ngữ nói chung và tiếng Việt cho trẻ em DTTS nói riêng được phát triển theo đúng năng lực của mình. Với trẻ chậm phát triển ngôn ngữ, giáo viên cần dành sự quan tâm nhiều hơn để trẻ có thể phát triển tốt hơn.

5.3.1.3. Đảm bảo sự bình đẳng giới

Lồng ghép giới trong việc tổ chức cách hoạt động giáo dục cho trẻ mẫu giáo CBQL, giáo viên phải có nhạy cảm và trách nhiệm giới và phải luôn xem xét các mối tương quan về giới trong công việc/hoạt động giáo dục hàng ngày (giao tiếp với đồng nghiệp, cha mẹ, và với trẻ); tổ chức các hoạt động học tập, trải nghiệm, vui chơi giải trí, văn hóa văn nghệ, thể dục, thể thao…) cần:

(i) Nhận diện được các vấn đề giới/bất bình đẳng giới;

(ii) Phân tích và đánh giá được các nguyên nhân và tác động tiêu cực của vấn đề giới/bất bình đẳng giới đó tới sự tham gia và chất lượng tham gia của từng trẻ trong lớp mình phụ trách;

(iii) Đưa ra được các biện pháp can thiệp (biện pháp, hoạt động, đồ dùng đồ chơi cụ

thể) để giải quyết vấn đề giới/bất bình đẳng giới đó một cách hiệu quả nhất; trên cơ sở thừa nhận và tôn trọng những điểm tương đồng và khác biệt giữa trẻ trai và trẻ gái.

Ví dụ: Điều chỉnh thẻ Thẻ EL16 "Mô tả một đồ vật cho bạn cùng chơi" đảm bảo bình đẳng giới, trong phần Thay đổi và mở rộng, giáo viên khi chuẩn bị đồ dùng để thực hiện theo nhóm gia đình cần lưu ý: các đồ dùng/đồ chơi gắn với sinh hoạt hàng ngày dành cho cả nam và nữ. Ví dụ: ô tô, búp bê, quần áo, bát, đĩa, máy giặt, ti vi, sách, vật dụng may vá…Và khi gọi trẻ lên mô tả đồ vật cần tránh định kiến: chỉ gọi trẻ em trai mô tả đồ vật mà trẻ em trai thường chơi như ô tô, máy bay, điều khiển…hay chỉ gọi trẻ em gái mô tả về các đồ dùng liên quan đến nấu ăn, búp bê, may vá. Giáo viên cần có sự thay đổi vai giữa trẻ trai và gái để các em biết đến tất cả các vật dụng trong gia đình. Khi tương tác với trẻ, giáo viên tạo tình huống để trẻ thực hành như: Các chọn hãy phân biệt đồ chơi/đồ dùng nào dành cho con trai/gái. Cuối cùng giáo viên chốt lại: "Đồ chơi đều dành cho mọi trẻ em, không phân biệt là trẻ em trai hay trẻ em gái. Nếu các con thích chơi thì cứ chơi cùng các bạn, không phải ngại"

Hay khi điều chỉnh thẻ Thẻ EL46 "Câu hỏi của ngày":

Hướng dẫn hoạt động: Giáo viên viết câu hỏi của ngày lên bảng "Cháu làm gì khi đi chợ cùng bố/mẹ?", thay vì chỉ hỏi "Cháu làm gì khi đi chợ cùng mẹ?" câu hỏi này mang khuôn mẫu cứng nhắc rằng việc đi chợ là của mẹ, giáo viên có thể thay đổi "Cháu làm gì khi đi chợ cùng bố/mẹ/người thân trong gia đình". Điều này mang ý nghĩa rằng công việc nội trợ có thể là của mọi người trong gia đình. Nếu như sau khi một vài ý kiến của trẻ đều phát biểu rằng: "Khi đi chợ cùng mẹ, cháu thường…", giáo viên có thể đặt câu hỏi gợi mở "Có cháu nào đi chợ với bố, hay anh trai hay không?" và mời em nào giơ tay. Cuối cùng, giáo viên có thể khen ngợi công việc của trẻ và nói rằng công việc nhà mọi người đều có thể làm không riêng gì của mẹ hay bà hay các chị em gái và mọi người cần phát huy vai trò của mình trong các công việc gia đình, không phân biêt nam/nữ, trai/gái.

5.3.1.4. Khuyến khích sự tự chủ của trẻ

Giáo viên cần khuyến khích sự tự chủ của trẻ trong các hoạt động giáo dục nói chung; phát triển năng lực năng ngôn ngữ cho trẻ và phát triển tiếng Việt cho trẻ mầm non nói riêng. Vì khi trẻ được tự chủ, trẻ sẽ thấy mình làm chủ quá trình khám phá, trải nghiệm và có trách nhiệm hơn với việc lĩnh hội kiến thức. Việc này sẽ khuyến khích trẻ tìm ra những cách mới để khám phá kiến thức và đưa ra các giải pháp mới, sáng tạo để giải quyết các vấn đề thực tế. Tuy nhiên vẫn cần sự hỗ trợ của giáo viên.

- Làm thế nào để đảm bảo trẻ được tự chủ:

+ Giáo viên phải tin rằng trẻ hoàn toàn có năng lực để thực hiện các hoạt động khám phá, lĩnh hội kiến thức. Vì vậy, thay vì đưa ra các hướng dẫn chi tiết, cụ thể về cách làm thì hãy để cho trẻ chủ động khám phá bài học/chủ đề.

- Các dấu hiệu về sự tự chủ của trẻ:

+ Trẻ có cơ hội đưa ra ý kiến và chia sẻ ý tưởng của mình;

+ GV luôn lắng nghe và tôn trọng ý kiến của trẻ (kể cả những ý kiến có thể chưa

đúng, vấn đề quan trọng ở đây là trẻ đã dám nói ra ý kiến của mình. Việc sửa sai sẽ tiến hành sau đó chứ không phải ngay lúc trẻ nói.)

+ Trẻ được tự thực hiện các hoạt động theo cách riêng của mình với sự hỗ trợ của giáo viên

+ Trẻ được thể hiện bản thân.

Để trẻ có thể phát huy tính tự, giáo viên cần thiết kế các hoạt động để tạo cơ hội cho trẻ đưa ra ý tưởng, ý kiến cá nhân, lựa chọn cách học phù hợp với năng lực, sở thích của bản thân, chia sẻ và tự hào về những điều mà trẻ học được. Đồng thời, trong quá trình này, giáo viên cần khuyến khích cả trẻ em trai và gái rèn luyện sự tự chủ của mình trong việc khám phá bài học/chủ đề; quan tâm đến trẻ em trai hay gái vẫn còn rụt rè hơn và thúc đẩy môi trường cho các em chủ động chia sẻ, thực hiện hoạt động.

Ví dụ: Điều chỉnh, bổ sung thẻ hoạt động EL12 ”Săn tìm kho báu” sao cho đảm bảo tính tự chủ cho trẻ. Thẻ hoạt động này có thể sử dụng như một hoạt động trong các hoạt động nội dung hoạt động ”Làm quen với chữ cái”. Cần điều chỉnh mục kĩ năng cơ bản: cần làm rõ hơn, vì đây chính là mục tiêu của bài học. Kiến thức cơ bản về chữ cái cụ thể là: nhận diện chữ cái, nhân biết chữ cái qua phát âm (ví dụ: khi trẻ cầm thẻ cái bát – trẻ đọc to từ ”cái bát” và nhận được âm đầu của bát là ”âm b” và trẻ sẽ viết chữ b vào thẻ của mình).

GV có thể vận dụng thẻ EL12 vào hoạt động luyện tập về chữ cái, trong thẻ này chỉ cần điều chỉnh một chút để đảm bảo sự tự chủ của trẻ đó là: cho trẻ tự chọn thẻ đồ vật mà trẻ thích hoặc để đảm bảo sự công bằng GV úp thẻ để trẻ tự rút như hình thức bốc thăm trẻ sẽ cảm thấy hứng thú và thể hiện được tính tự chủ của mình.

Trong mục thay đổi và mở rộng: phần thay đổi GV có thể viết chữ cái lên thẻ và cho trẻ tìm đồ vật có chứa âm giống với chữ cái của mình. Cách này GV có thể chia làm 2 mức độ cho 2 nhóm khác nhau.

+ Nhóm 1 là những trẻ khả năng ngôn ngữ chậm hơn GV viết tên vào đồ vật tương ứng.





+ Nhóm 2 là những trẻ ngôn ngữ phát triển tốt hơn. Thì các thẻ không viết tên đồ vật đó. Để tránh nhầm lẫn giữa các nhóm, GV qui định khu vực khác nhau cho 2 nhóm. Lưu ý trong các nhóm này có sự lựa chọn tương đối cân bằng giữa trẻ em trai và trẻ em gái.

Với thẻ EL12 này chúng ta có thể thay tên các đồ vật để vận dụng vào các lĩnh vực phát triển khác nhau: nhận thức, tình cảm - xã hội, thể chất, thẩm mỹ. Ví dụ: cũng với đồ

dùng trên cho trẻ chơi trò chơi tìm bạn. 1 bạn có chữ cái, kết bạn với bạn có tên đồ vật có chứa chữ cái đó.

** Lưu ý: GV cần tin tưởng trẻ, cho trẻ cơ hội tự khám phá dù lúc đầu có gặp khó khăn nhưng đó mới chính là công việc của giáo dục giúp trẻ nắm vững kiến thức một cách bền vững, đồng thời hình thành cho trẻ khả năng tự lập, tự tin, sáng tạo và có đủ năng lực để xử lí các tình huống xảy ra trong cuộc sống.*

5.3.2. Hoạt động 2: Hướng dẫn vận dụng thẻ EL vào các lĩnh vực phát triển trong chương trình GDMN để phát triển kĩ năng đọc viết cho trẻ mẫu giáo vùng DTTS.

Bài tập thực hành

1. Hãy nghiên cứu và lựa chọn các thẻ hoạt động EL để vận dụng vào lĩnh vực phát triển ngôn ngữ, phát triển nhận thức và các lĩnh vực khác trong chương trình GDMN để hình thành kĩ năng đọc viết cho trẻ mẫu giáo vùng DTTS

a. Vận dụng thẻ hoạt động EL "Trò chuyện và lắng nghe"

b. Vận dụng thẻ hoạt động EL "Kiến thức về bảng chữ cái";

c. Vận dụng thẻ hoạt động EL "Hiểu biết về chữ viết"

d. Vận dụng thẻ hoạt động EL "Hiểu biết về sách"

e. Vận dụng thẻ hoạt động EL "Hiểu biết về từ và âm".

2. Hãy lựa chọn và vận dụng thẻ hoạt động EL vào các hoạt động giáo dục trong chế độ sinh hoạt 1 ngày

(Tham khảo các nội dung trong thông tin phản hồi dưới đây để vận dụng các thẻ vào các hoạt động giáo dục).

Thông tin phản hồi

Trong các thẻ hoạt động EL gồm 5 nội dung/kĩ năng cơ bản trong lĩnh vực phát triển ngôn ngữ trong chương trình GDMN: "Trò chuyện và lắng nghe"; "Kiến thức về bảng chữ cái"; "Hiểu biết về chữ viết"; "Hiểu biết về sách"; "Hiểu biết về từ và âm". Tuy nhiên, nội dung/kĩ năng này không chỉ là làm quen với văn học và chữ viết mà thẻ hoạt động EL được thiết kế tích hợp cả 4 lĩnh vực phát triển: nhận thức, thể chất, nghệ thuật và giao tiếp xã hội trong chương trình GDMN, trong mỗi lĩnh vực đều có vai trò của ngôn ngữ: nghe (hiểu) – nói; kể chuyện, hiểu về bảng chữ cái/chữ viết và hiểu về sách. Riêng nội dung "Hiểu biết về từ và âm" là khá mới chưa được thể hiện trong chương trình GDMN. Tuy nhiên để tiếp cận với chương trình đổi mới "Giáo dục phổ thông 2018" thì việc chuẩn bị cho trẻ sẵn sàng đi học ở giai đoạn 2025-2030 là cần thiết. Nội dung trong các thẻ EL bao trùm cả các lĩnh vực: Phát triển ngôn ngữ (đã kể trên); Phát triển nhận thức (các kiến thức về thế giới động vật, thực vật; nghề nghiệp, hình học, mỗi quan hệ số lượng, đếm, định hướng không gian, thời gian; phát triển từ duy: so sánh, phân loại...) như trong một số thẻ EL: EL1, EL2, EL3, EL12, EL16, EL38, EL51... ; một số thẻ giúp trẻ phát triển lĩnh vực nghệ thuật như: cảm

nhận về giai điệu âm nhạc như: EL29; EL31, EL32; EL34, EL40 ; vẽ những bức tranh theo tưởng tượng EL25; phát triển vận động thô về vận động tinh: EL28, EL33, EL34, EL49... nghiên cứu kĩ những thẻ EL chúng ta có thể thấy, trong mỗi thẻ không chỉ phát triển kĩ năng ngôn ngữ mà tích hợp rất nhiều kiến thức và kĩ năng khác như: so sánh, phân loại, phán đoán, tưởng tượng, tuy duy lô gich...những thẻ này chính là ngữ liệu để trẻ lĩnh hội kiến thức thông qua ngôn ngữ và nhờ ngôn ngữ giúp trẻ tiếp thu kiến thức sâu sắc hơn.

Vì vậy, trong quá trình thực hiện các nội dung trong Chương trình GDMN, giáo viên không chỉ sử dụng các thẻ hoạt động EL vào lĩnh vực phát triển ngôn ngữ, mà còn có thể vận dụng các thẻ hoạt động này vào các lĩnh vực khác như một hình thức học thông qua chơi để bài học thêm phong phú về hình thức tổ chức vừa phát triển nhận thức cho trẻ đồng thời cung cấp vốn từ; hiểu nghĩa từ trong các lĩnh vực khác nhau để trẻ hiểu nội dung bài học một cách sâu sắc và bền vững hơn (tránh học xong quên ngay theo kiểu học/nói vẹt). Trong quá trình vận dụng thẻ EL, giáo viên có thể điều chỉnh, bổ sung hoạt động và nội dung cho phù hợp với mục tiêu giờ học và phù hợp với đặc điểm của trẻ ở địa phương, đặc biệt là để tăng cường tiếng Việt cho trẻ mẫu giáo vùng dân tộc thiểu số.

5.3.2.1. Hướng dẫn điều chỉnh và vận dụng thẻ hoạt động EL "Trò chuyện và lắng nghe" để phát triển ngôn ngữ và kĩ năng đọc viết cho trẻ mẫu giáo vùng DTTS

"Trò chuyện và lắng nghe" là hình thức tổ chức hoạt động hiệu quả để phát triển kĩ năng nghe-nói cho trẻ mầm non. Lắng nghe chính là quá trình tiếp thu/lĩnh hội ngôn ngữ của trẻ, trẻ phải hiểu được ý nghĩa thông qua các hành động, lời nói của người lớn từ đó trẻ nhắc lại những lời của người lớn (lời nói của trẻ nhờ vào khả năng bắt chước và được hình thành thông qua hoạt động "Trò chuyện", giao tiếp với trẻ. Để lựa chọn và điều chỉnh các thẻ EL cho phù hợp GV cần bám sát mục tiêu, nội dung và kết quả mong đợi của lĩnh vực phát triển ngôn ngữ trong Chương trình GDMN:

- Trẻ có khả năng lắng nghe, hiểu lời nói trong giao tiếp hằng ngày.

- Trẻ có thể biểu đạt lời nói bằng nhiều cách khác nhau (ánh mắt, cử chỉ, điệu bộ…).

- Trẻ diễn đạt rõ ràng và giao tiếp ứng xử lễ phép, phù hợp trong cuộc sống hàng ngày.

- Trẻ nghe và hiểu nội dung câu chuyện và kể lại truyện.

- Trẻ đọc đúng vần điệu, nhịp điệu của bài thơ, ca dao, đồng dao.

- Trẻ biết diễn đạt rõ ràng để nói lên mong muốn, tình cảm và những thắc mắc của mình với mọi người.

- Trẻ phát âm đúng các âm trong tiếng Việt.

- Trẻ có kĩ năng ban đầu về đọc - viết : Hiểu về chữ viết biết cách «đọc sách và lật trang sách đúng chiều » ; đọc thông qua kí hiệu và hình ảnh – nhận diện được nội dung ý nghĩa của ngôn ngữ hình tượng (nhà vệ sinh, biển báo giao thông, lối đi ra-vào…);

a. Hướng dẫn điều chỉnh, vận dụng thẻ hoạt động EL "trò chuyện và lắng nghe" vào hoạt động "kể chuyện" trong chương trình GDMN

Ví dụ: Khi xây dựng kế hoạch bài học/giáo án kể chuyện "Nhổ củ cải", giáo viên có thể điều chỉnh để vận dụng thẻ EL5 như giáo án tổ chức hoạt động. Phần mô tả bổ sung vào mục tiêu bài học. Sau đó tiến trình thực hiện giờ kể chuyện theo thứ tự hoạt động của thẻ EL5. Giáo viên có thể điều chỉnh thẻ EL5 cho phù hợp với khả năng ngôn ngữ tiếng Việt của trẻ lớp mình. GV có thể bổ sung thêm trong cách soạn giáo án của giờ kể chuyện "Nhổ củ cải" sau:

EL5 "Hộp kể chuyện 1"	
MÔ TẢ	Giáo viên chọn 3-4 tranh trong câu chuyện "Nhổ củ cải" và cho vào một cái hộp kín.
KĨ NĂNG CƠ BẢN	□ Trò chuyện và lắng nghe: trẻ nói được tên và mô tả được hành động của các nhân vật trong truyện.
KĨ NĂNG BỔ TRỢ	🕮 Hiểu về sách: Biết mở sách theo thứ tự
ĐỒ DÙNG	- Có thể chọn 3-4 tranh trong truyện "Nhổ củ cải" - tùy theo số nhóm của lớp - Một cái hộp để đựng vừa các bức tranh - Giấy A4 và bút màu.
HOẠT ĐỘNG	1. Ổn định tổ chức: tạo hứng thú – GV tự lựa chọn 2. Giáo viên kể/đọc truyện cho trẻ nghe bằng cách giơ sách về phía trẻ, giới thiệu bắt đầu bằng cách hỏi: - Các con nhìn thấy gì và đoán xem đây là câu chuyện gì? – trẻ nói tên (hoặc có thể không nhớ), giáo viên chỉ vào tranh và chữ để nói lại tên truyện. - Sau đó, giở tiếp và vừa đọc từng trang một và chỉ vào các nhân vật trong từng bức tranh liên quan tới nội dung đang đọc cho trẻ thấy (lưu ý nhắc trẻ nhìn cách cô giở sách- như vậy là tích hợp giúp trẻ "hiểu về sách"). Trong quá trình đọc truyện GV luôn tương tác với trẻ, trước khi sang trang mới giáo viên có thể hỏi: "điều gì sẽ xảy ra, liệu ai sẽ đến giúp bà nữa đây…". Khi đọc đến các điệp khúc cho trẻ cùng đọc theo và làm động tác mô phỏng tạo không khí sôi nổi cho giờ học và trẻ được nói nhiều lần. 3. Tìm hiểu nội dung câu chuyện. GV đặt câu hỏi trẻ trả lời 4. Tổ chức trẻ chơi theo nhóm (chia đều trẻ em trai và trẻ em gái theo từng nhóm) – chia số nhóm bằng số tranh đã chuẩn bị trong hộp. Mỗi nhóm cử 1 trẻ lên lấy 1 bức tranh trong hộp, giơ lên cho cả lớp xem đó là bức tranh gì và giáo viên hỏi trẻ xem nhóm mình lấy được bức

	tranh gì (Trẻ chỉ cần mô tả những gì thấy trong bức tranh). Sau đó về nhóm trẻ kể cho nhau nghe về nội dung của từng bức tranh (có sự hỗ trợ của GV). Sau đó đại diện của từng nhóm lên kể về bức tranh của mình và gắn bức tranh lên bảng. Tiếp tục cho đến khi tất cả các nhóm thực hiện xong các bức tranh. 5. Cho trẻ lên xếp lại thứ tự các bức tranh đúng với trình tự câu chuyện. 6. Giáo viên cho 2-3 trẻ kể lại theo đúng trình tự câu chuyện đã xếp. * *GV lưu ý: quan tâm đến từng trẻ, nếu những trẻ yếu về ngôn ngữ nên yêu cầu trẻ nói lên những hình ảnh có trong bức tranh (cung cấp vốn từ cho trẻ gặp khó khăn về ngôn ngữ). Với những trẻ nói tốt trẻ sẽ kể lại truyện theo thứ tự - nếu nhiều tranh có thể mỗi trẻ chỉ kể 2-3 tranh sau đó mời trẻ khác kể tiếp. Cuối cùng cho trẻ xung phong lên kể toàn bộ câu chuyện (trẻ xung phong có nghĩa là đã sẵn sàng).* 7. GV để các bức tranh ở dưới đất không theo thứ tự và nói với trẻ rằng các bức tranh minh họa câu chuyện đều ở trước mặt các con. Các con lắng nghe cô kể từng đoạn trong câu chuyện và quan sát các bức tranh và chọn ra bức tranh mà cô đang kể. Cô dừng lại ở từng đoạn và cho trẻ xung phong lên lấy bức tranh phù hợp với nội dung đoạn truyện cô vừa kể/đọc *(phần này có thể cho trẻ ôn lại vào hoạt động chiều – nếu không đủ thời gian)*
THAY ĐỔI VÀ MỞ RỘNG	**Thay đổi:** *Mỗi hình thức gợi ý dưới đây có thể thực hiện vào một thời điểm hoặc một tiết học để củng cố hoặc nâng cao yêu cầu nghe nói tiếng Việt cho trẻ.* * Có thể chia lớp thành nhiều nhóm nhỏ, mỗi nhóm tự chọn 1 câu chuyện mà mình thích, tìm tranh cho vào 1 hộp để kể lại. * Có thể nhờ cha mẹ trẻ thu thập hoặc hướng dẫn trẻ vẽ tranh về các câu chuyện khác đã được đọc trên lớp. **Mở rộng** * Khi trẻ đã quen với cách thực hiện với cách này, giáo viên có thể cho trẻ sử dụng các bức tranh khác nhau để kể thành câu chuyện (kể chuyện sáng tạo). Giáo viên ghi lại lời kể của trẻ (mỗi trẻ vào 1 tờ tờ giấy khác nhau sau đó có thể ghép thành sách- làm sách)

GV có thể vận dụng các thẻ EL8 "Hộp kể chuyện 3" cho trẻ kể chuyện sáng tạo thông qua các đồ vật; EL9 kể chuyện thông qua các bức tranh bất kì không phải những bức tranh trong một câu chuyện cụ thể nào đó. Điều này giúp trẻ phát triển kĩ năng nói và trí tưởng tượng sáng tạo.

Hoặc vận dụng thẻ EL6 như một phương pháp, hình thức kể chuyện tương tác sử dụng vào tất cả các hoạt động kể chuyện trong chương trình GDMN.

** Lưu ý: GV cần hướng dẫn HS loại bỏ các khuôn mẫu giới, định kiến giới ra khỏi các câu chuyện bằng cách đặt các câu hỏi gợi mở để HS nhận ra các khuôn mẫu giới, định kiến giới đang tồn tại trong tiềm thức của các em và gợi ý các giải pháp thay đổi.*

b. Hướng dẫn điều chỉnh thẻ các EL "trò chuyện và lắng nghe" vận dụng vào các lĩnh vực phát triển khác trong Chương trình giáo dục mầm non

Đối với trẻ mẫu giáo vùng dân tộc thiểu số, trẻ có thể nghe và hiểu những gì giáo viên nói, nhưng sẽ khó khăn khi diễn đạt lại bằng tiếng Việt. Vì vậy, khi vận dụng thẻ EL vào từng hoạt động giáo dục cụ thể giáo viên có thể điều chỉnh mục tiêu, nội dung, phương tiện/vật liệu cho phù hợp với đặc điểm và khả năng ngôn ngữ của trẻ.

- *Về mục tiêu*: có thể điều chỉnh thấp hơn (và có thể củng cố nhiều lần hơn) nhưng vẫn đảm bảo được mục tiêu chung của Chương trình giáo dục mầm non.
- *Về nội dung*: Không nên ôm đồm đưa quá nhiều nội dung của một thẻ vào tổ chức hoạt động nào đó mà phải luôn củng cố những nội dung/các từ ngữ mẫu câu đã học trước đó liên quan với nội dung, từ mới, mẫu câu mới.
- *Về đối tượng/phượng tiện*: sử dụng những đồ dùng, vật liệu gần gũi với kinh nghiệm sống của trẻ (tránh những đồ dùng xa lạ với trẻ, ví dụ: ở miền núi mà học hoa sen khi trẻ không có biểu tượng gì về hoa sen thì các từ trẻ nói ra đều không có nghĩa với trẻ); vì vậy có thể thay thế hoa sen bằng hoa sim, hoặc hoa mua. Các đồ dùng trong một hoạt động học không nên quá 5 đối tượng.
- Tổ chức hoạt động: Quá trình thực hiện hoạt động, đặc biệt khi trò chuyện/đàm thoại với trẻ giáo viên có thể khuyến khích trẻ nói tiếng mẹ đẻ (nếu trẻ chưa sẵn sàng nói tiếng Việt), tạo cho trẻ sự tự tin, mạnh dạn nói lớp, sau đó mới yêu cầu trẻ nói lại bằng tiếng Việt. Khi nói tiếng Việt GV cần nói câu ngắn, nói chậm, hoặc nhắc lại 1-2 lần để trẻ dễ bắt chước các mẫu câu.

Ví dụ thẻ EL1 "Miêu tả đồ vật" với mục tiêu chính là phát triển kĩ năng trò chuyện và lắng nghe. Khi vận dụng vào đề tài ***"Tìm hiểu bắp ngô"*** giáo viên có thể điều chỉnh mục tiêu, nội dung hoạt động của thẻ EL1và vận dụng như một hoạt động/phương pháp chính của bài học "Miêu tả bắp ngô" trong hoạt động khám phá chủ đề "Thực vật" trong Chương trình GDMN. Gợi ý cách vận dụng và điều chỉnh thẻ EL1 trong bài soạn dưới đây:

GỢI Ý GIÁO ÁN ÁP DỤNG VÀ ĐIỀU CHỈNH THẺ EL1

Lớp mẫu giáo ghép hoặc 3-4 tuổi

I. Mục tiêu yêu cầu:

- Kiến thức:

+ Trẻ nói được tên (với những trẻ khả năng TV còn ít) và mô tả được cấu tạo của bắp ngô, cây ngô. Bắp ngô mọc ra từ thân cây ngô (trẻ đã nói tốt TV dù trong 1 độ tuổi

+ Trẻ nói được lợi ích của cây ngô: là cây lương thực, hạt ngô dùng để chế biến các món ăn và là thức ăn bổ dưỡng; thân cây ngô làm thức ăn cho trâu, bò, lõi ngô có thể làm đồ chơi…

- Kỹ năng:

+ Trẻ có kỹ năng phân biết được hạt ngô với 1 số loại hạt khác như đồ lạc bằng nhiều giác quan: nhìn, sờ, nếm…

+ Trẻ nói được các từ tiếng Việt: cây ngô, bắp ngô, hạt ngô, cây lương thực, lá cây ngô dài, bắp ngô mọc từ thân cây.

+ Phát triển kĩ năng lắng nghe: trẻ biết đặt câu hỏi và trả lời câu hỏi theo mẫu câu đầy đủ: đây là cái gì? ...để làm gì?

+ Bước đầu có kĩ năng thảo luận trong nhóm

- Thái độ:

+ Trẻ hứng thú với hoạt động khám phá

+ Trẻ có thể ăn các món ăn từ ngô, trân trọng những người làm ra hạt ngô

II. Chuẩn bị:

+ Cây ngô, bắp ngô thật

+ Hình ảnh/ băng hình về cây ngô, vườn ngô

+ Hình ảnh một số món ăn từ ngô: ngô luộc, bắp rang bơ, mèn mén…; hình ảnh các con vật được ăn thức ăn từ ngô.

III. Nội dung hoạt động

Hoạt động của cô	Hoạt động của trẻ
1. **Gây hứng thú** - Lắng nghe, lắng nghe - Nghe cô đọc 1 câu đố, các con đoán xem là gì nhé? "Bắp gì nhiều áo, có râu Bóc ra đầy hạt, ở đâu cũng trồng?" – Bắp ngô	 Trẻ nói: nghe gì, nghe gì? Trẻ nói: Bắp ngô
2. Nội dung hoạt động *Hoạt động 1*: cho trẻ tự nói về những điều đã biết về cây ngô, bắp ngô (vì ở vùng DT nhà nào cũng trông và ăn ngô) - Ai có thể miêu tả hình dáng bắp ngô con đã nhìn thấy? (không quan trong là trẻ nói có chính xác không mà quan trọng là trẻ dám nói) *Hoạt động 2*: ***Vận dụng thẻ EL1 Mô tả bắp ngô*** 1. Giáo viên giấu bắp ngô trong hộp kín, 2. Giáo viên cho trẻ đoán xem trong hộp có gì. 3. Làm mẫu: Mô tả bắp ngô. "cô sờ thấy trong hộp có một đồ vật, hình dài, bên ngoài có nhiều áo, bên trong có nhiều hạt (cô vừa nói vừa mô tả bằng hành động), đố các con đó là gì? Nếu trẻ chưa nói được có thể gợi ý thêm: hạt của nó làm nhiều món ăn…)	 Trẻ kể theo cách hiểu và ngôn ngữ của mình (có thể nói bằng tiếng mẹ đẻ) Không yêu cầu trẻ trả lời đầy đủ mà cho nhiều trẻ nói (đây là hình thức khai thác kinh nghiệm từ trẻ Trẻ nói: đó là bắp ngô Mỗi trẻ nói 1 ý (lưu ý gọi cả trẻ trai và trẻ gái)

(nếu không trẻ nào đoán được cô có thể nhắc lại câu ngắn, nói chậm có thể cho cho trẻ nói theo cô).	
GV nói: thân dài, bên ngoài nhiều áo;	- Trẻ miêu tả: thân dài, có nhiều lớp bọc bên ngoài
GV nói: bên trong có nhiều râu, nhiều hạt	- Trẻ nói: bên trong có nhiều râu, nhiều hạt
(đây là cách cung cấp vốn từ tiếng Việt cho trẻ)	
GV: Đó là gì?	
GV hỏi lại: bắp gì thân dài, nhiều áo, bên trong có nhiều hạt?	- Trẻ nói: Bắp ngô/cây ngô
4. GV nói: "bây giờ giống như cô vừa tả bắp ngô, các con sẽ mô tả về thân cây ngô nhé" *(GV có thể gợi ý nếu trẻ gặp khó khăn; cho mỗi trẻ trẻ lời 1 câu. Cố gắng nhiều trẻ được nói càng tốt*	Sau đó cho trẻ nhắc lại cả đoạn
- Lá cây ngô thế nào?	Trẻ mô tả những gì mình biết về cây ngô
- Thân cây ngô thế nào?	Trẻ: lá dài
- Cái gì giúp cây ngô hút thức ăn dưới đất?	Trẻ: thân thẳng
5. Chia lớp thành từng cặp đôi nam-nữ xen kẽ. Chuẩn bị 4-5 loại củ/quả thật đã học trong đó có bắp ngô (hoặc tranh loto. Mỗi nhóm một quả/củ, trẻ trong nhóm thay phiên nhau, một bạn hỏi một bạn trả lời. *(có thể gợi ý trẻ hỏi về màu sắc, hình dạng, kích thước, mùi vị của một loại quả/củ nào đó. Ví dụ: củ cà rốt có màu gì?)*	Trẻ: rễ cây Trẻ lắng nghe Trẻ: màu đỏ
6. GV nói: bây giờ các nhóm quay mặt vào nhau, một bạn đặt câu hỏi và một bạn trả lời, sau đó đổi lại. Cho các nhóm đổi quả/củ cho nhau và tiếp tục thực hành đặt câu hỏi và trả lời (đây cũng chính là kĩ năng "trò chuyện và lắng nghe". Đổi nhóm bằng cách chơi trò chơi: "kết bạn" và tiếp tục thực hành 5-7 phút *(Khi trẻ đã thành thạo, GV có thể tham khảo mục thay đổi và mở rộng để tạo sự hứng thú và đảm bảo mục tiêu yêu cầu của từng nội dung trong bài học như kĩ năng so sánh và tăng độ khó cho hoạt)*	Trẻ 1: đặt câu hỏi Trẻ 2: trả lời Sau đó đổi lại, trẻ 2 hỏi, trẻ 1 trả lời
Hoạt động 3: Luyện tập	
Chơi trò chơi: Cái túi kì diệu/ thi xem ai đoán đúng (có một số loại như: bắp ngô; củ lạc (cả vỏ, quả đỗ, khoai…)	
Mục tiêu: phát triển ngôn ngữ và nhận thức thông qua các giác quan	
Luật chơi: Trẻ phải mô tả 2-3 đặc điểm của đồ vật để cho cả lớp đoán tên đồ vật đó	- Trẻ xác định đồ vật bằng các giác quan: sờ, có thể ngửi.
Cách chơi: từng trẻ lên, cô sẽ bịt mắt, các con sẽ thò tay vào túi, sờ tìm 1 đồ vật và mô tả hình dạng, màu sắc, công dụng, mùi, vị… cả lớp sẽ đoán xem đó là cái gì?	Cả lớp đoán tên đồ vật

Gọi 3-4 trẻ thực hiện (lưu ý xen kẽ cả trẻ trai-trẻ gái) * GV khái quát lại đặc điểm của bắp ngô: Bắp ngô có vỏ bên ngoài, bên trong có râu ngô, có hạt ngô và lõi ngô ở trong. Hạt ngô nhỏ mọc đều thành từng hàng. - Gọi 2-3 trẻ nhắc lại đặc điểm của bắp ngô * Khi trẻ lấy ra loại cho trẻ so sánh tìm ra điểm giống nhau và khác nhau: + Giống nhau: là cây lương thực, làm thức ăn + Khác nhau tên gọi, hình dáng và màu sắc *Hoạt động 4:* Trò chuyện về lợi ích của bắp ngô/cây ngô và một số cây lương thực khác - Vừa rồi các con đã được tìm hiểu về cây ngô và cấu tạo của bắp ngô và tìm hiểu lợi ích của một số loại thực vật như lạc đỗ, khoai. Các con có biết người ta trồng ngô để làm gì không? + Các con hãy kể tên một số ón ăn được chế biến từ ngô, lạc, khoai… *(Phần này có thể cho trẻ nói bằng tiếng mẹ đẻ của trẻ để khai thác kinh nghiệm của trẻ)* - Sau đó GV nhắc lại bằng tiếng Việt những món ăn trẻ đã kể theo kinh nghiệm của trẻ và có thể bổ sung 1-2 món gần gũi làm từ ngô. -> Giáo dục: Từ bắp ngô có thể chế biến ra rất nhiều các món ăn cung cấp tinh bột và nhiều chất dinh dưỡng tốt cho sức khỏe. Vậy các con phải phải làm gì để biết ơn những người nông dân?	Trẻ lắng nghe Từng trẻ nhắc lại những đặc điểm của bắp ngô Cho những trẻ có khả năng nhận thức và sử dụng tốt ngôn ngữ TV nói trước, sau đó cho trẻ yếu hơn nhắc lại. *Đây chính là phần liên hệ và áp dụng vào thực tế* Trẻ kể tên những món ăn và lợi ích từ một số cây lương thực bằng tiếng mẹ đẻ. Sau đó cho trẻ nhắc lại bằng tiếng Việt.

Trên đây là một ví dụ vận dụng thẻ EL1 "Miêu tả đồ vật" vào lĩnh vực phát triển nhận thức - hoạt động khám phá "Tìm hiểu bắp ngô". Các hoạt động trong bài này đã vận dụng phương pháp dạy ngôn ngữ thứ hai dựa trên tiếng mẹ đẻ và thông qua cách tiếp cận tương tác: trẻ tương tác với đồ dùng, giáo viên tương tác với trẻ và trẻ tương tác với trẻ bằng cách tiếp cận Học thông qua chơi. Trẻ được khám phá, trải nghiệm nhiều hơn. Đây chính là một ưu thế của thẻ EL trong bộ công cụ ELM.

Quá trình thực hiện các hoạt động giáo dục trong Chương trình giáo dục mầm non, giáo viên có thể điều chỉnh các thẻ hoạt động EL (xem bảng 4 và tham khảo ví dụ trên) để vận dụng linh hoạt, sáng tạo vào các hoạt động giáo dục khác như: làm quen với toán, giáo dục âm nhạc, hoạt động tạo hình, phát triển tình cảm - giao tiếp xã hội vì các thẻ EL không chỉ hỗ trợ phát triển ngôn ngữ, kĩ năng ban đầu về đọc viết tiếng Việt mà còn phát triển một số kĩ năng khác như: kĩ năng giao tiếp, kĩ năng lắng nghe, kĩ năng đặt câu hỏi cho trẻ vùng dân tộc thiểu số. Đó là những kĩ năng cần thiết chuẩn bị cho trẻ vào lớp 1.

** Lưu ý: GV cần hướng dẫn HS loại bỏ các khuôn mẫu giới, định kiến giới ra khỏi các câu chuyện bằng cách đặt các câu hỏi gợi mở để nhận ra các khuôn mẫu giới, định kiến giới đang tồn tại trong tiềm thức của các em và gợi ý thay đổi.*

5.3.2.2. Hướng dẫn vận dụng thẻ EL "Kiến thức về bảng chữ cái" vào hoạt động làm quen với chữ cái và phát triển kĩ năng về đọc, viết cho trẻ mẫu giáo vùng DTTS

Mục tiêu các thẻ EL "Kiến thức về bảng chữ cái" phù hợp với mục tiêu của nội dung *"*Làm quen với chữ cái" trong lĩnh vực phát triển ngôn ngữ của Chương trình giáo dục mầm non cụ thể là:

- Khả năng nhận biết 29 chữ cái trong bảng chữ cái tiếng Việt.
- Phát âm đúng các âm trong bảng chữ cái
- Phân biệt sự khác nhau trong hình dạng và phát âm của một số chữ cái.
- Nhận biết chữ cái trong từ

Kiến thức về bảng chữ cái là nền tảng trong việc phát triển kỹ năng đọc viết và là một trong những yếu tố quan trọng góp phần thúc đẩy sự thành công trong học tập của trẻ khi vào lớp 1. Khi cung cấp cho trẻ kiến thức về bảng chữ cái cũng cần căn cứ vào đặc điểm quá trình phát triển ngôn ngữ của trẻ là bắt chước và tiếp thu tổng thể nên khi cho trẻ làm quen với chữ cái giáo viên phát âm mẫu ít nhất 3 lần và chỉ vào mặt chữ để trẻ vừa nhìn vừa lắng nghe và bắt chước lại. Vì vậy, việc phân tích các nét của chữ cái hay phân tích cách phát âm bằng lời cho trẻ mẫu giáo không cần thiết. *(Đây là nhiệm vụ của giáo viên lớp 1).*

Mục tiêu của Chương trình giáo dục mầm non trong việc làm quen với chữ cái là trẻ nhận biết mặt chữ in thường, phát âm đúng các âm, giáo viên đặc biệt chú ý đến các cặp âm mà trẻ khó phân biệt như: l-n, s-x, b-p…cần phải phát âm chậm, rõ mà không nhất thiết phải giải thích cách phát âm như thế nào; hoặc khi nhận diện chữ cái trẻ hay nhầm lẫn giữa các cặp chữ cái: b-d; p-q; m-n; i-l…đối với các cặp chữ gần giống nhau thì cho trẻ phân tích, so sánh vị trí của các nét để trẻ dễ nhận dạng chẳng hạn: khi phân biệt chữ n và m chỉ cần phân biệt chữ n có hai nét và chữ m có 3 nét hoặc chữ b-d: chữ b và d đều có 2 nét, nét cong và nét thẳng, những chữ b nét thẳng bên trái nét cong bên phải, còn chữ d ngược lại nét cong bên phải và nét thẳng bên trái, tương tự như vậy khi học chữ p và q cho trẻ ôn chữ b và d để trẻ có cơ hội thực hành phân biệt rõ hơn vị trí của các nét..… Đối với các chữ cái khác không nhất thiết phân tích các nét .

** Giáo viên cần lưu ý: khi cho trẻ nhận biết chữ cái cách nhận diện sẽ gọi là chữ (ví dụ: chỉ vào chữ b và hỏi đây là chữ gì? Trẻ nói chữ "b" và khi cho trẻ đọc để phát âm thành tiếng thì gọi là âm "bờ"...)*

a. Gợi ý cách vận dụng thẻ EL11 "Chữ cái của tuần" cho trẻ làm quen với chữ cái

Căn cứ vào mục tiêu và nội dung cho trẻ làm quen với chữ cái, giáo viên có thể tự lựa chọn những chữ cái cần học phù hợp với từng chủ đề có các từ ngữ bắt đầu bằng chữ cái sẽ học. Ví dụ: gợi ý cách điều chỉnh thẻ EL11 "*chữ cái của tuần".* Điều chỉnh thẻ EL11, thay vì học 1 chữ, hai chữ, sẽ cho trẻ chọn 2 chữ cái sẽ học hoặc 1 chữ mới, 1 chữ đã học. Ví dụ: chữ cái trong tuần là "b-d". Bước 1, 2 thực hiện như trong thẻ.

Bước 3 có thể điều chỉnh như sau: thay vì cho trẻ tìm từ có âm b-d (trẻ phải nghe để phân biệt được âm b-d, hoạt động này rất khó đối với trẻ 5 tuổi dân tộc thiểu số), vì vậy thời gian trước khi cho trẻ làm quen với âm, cho trẻ nhận biết trước bằng các phân biệt chữ cái trong các từ bằng cách viết từ chỉ đối tượng ở dưới như hình vẽ quả dứa. Hoặc giáo viên đưa ra một số tranh/ảnh (không có từ ở dưới) để trẻ nhìn vào đó đọc tên các hình và chọn ra những hình có âm đầu là b hoặc d (theo yêu cầu của cô - ở phần này cũng lồng ghép được nội dung 5 của thẻ EL "Hiểu từ và âm"). Ví dụ: *"các con đọc to tên các tranh trên bảng và tìm cho cô tranh nào có âm "bờ" hoặc âm "dờ"*[14]





Sau khi đã thành thạo có thể cho trẻ tự tìm tên các đồ vật có âm đầu "bờ"và "dờ". (tương tự như vậy khi học với các chữ cái khác. Lúc đầu trẻ có thể gặp khó khăn, nhưng đây chính là kĩ năng nghe hiểu, giúp trẻ phát triển kĩ năng nghe viết chính tả ở bậc tiểu học).

- Giáo viên nói: "Bây giờ chúng ta sẽ chơi trò chơi "Tìm những những gì có chứa âm "bờ" và "dờ". Các con tìm bất cứ đồ vật, con vật, đồ chơi…thậm chí cả tên các bạn trong lớp bắt đầu bằng âm "bờ" và âm "dờ" vừa học. Giáo viên làm mẫu nói: "em bé" "con dê" vừa nói vừa ghi từ đó lên bảng trước, sau đó hỏi trẻ. Các con chỉ đâu là chữ cái "b" và "d" cô vừa đọc trong từ "em bé" "con dê" và hãy gạch chân dưới chữ cái b và chữ d.

- Bây giờ, mỗi bạn tìm bất kì đồ vật gì có âm "bờ" và "dờ", (giáo viên ghi lại những từ trẻ đã lên bảng). Các con nhìn lên bảng xem các từ đã kể có chứa âm đó không nhé. (Nếu trẻ gặp khó khăn giáo viên có thể gợi mở, gọi tên bạn Bình hoặc Dung, cho cả lớp đọc to tên hai bạn đó, sau đó viết tên và trẻ lại tìm âm vừa yêu cầu). Hình thức này có thể sử dụng với bất kì chữ cái nào, tuy nhiên những âm có ít từ trong tiếng Việt thì không nên

[14] Hình ảnh loto sử dụng trong tài liệu là từ dự án của SC Quảng Trị năm 2012 "chăm sóc phát triển trẻ thơ" có sự tham gia của Trương Thị Kim Oanh và Hồ Minh Nguyệt

dùng hình thức này chẳng hạn các nguyên âm i, u, ư, y…Sau đó thực hiện các bước số 4-8 tiếp theo trong thẻ EL11 như hoạt động chính để cho trẻ làm quen với chữ cái b-d.

Hoặc thẻ EL22 "Bát canh chữ cái" có thể sử dụng để học chữ cái như thẻ EL11. Việc tích hợp giữa học chữ cái, âm thông qua các từ chỉ đồ vật, con vật, sau đó cho trẻ vẽ lại những đồ vật đã học (bước 5 và 6), không chỉ phát triển kiến thức về bảng chữ cái mà còn phát triển kĩ năng trò chuyện-lắng nghe, kĩ năng cầm bút và sự tưởng tượng, sáng tạo (không quan trọng trẻ có vẽ giống hay không, mà quan trọng là trẻ liên hệ được giữa từ và đồ vật).

b. Hướng dẫn điều chỉnh thẻ EL "Kiến thức về bảng chữ cái" vận dụng vào các lĩnh vực khác trong Chương trình giáo dục mầm non

Mỗi thẻ có phương pháp hình thức tổ chức phù hợp với một nội dung các lĩnh vực phát triển trong Chương trình giáo dục mầm non. Khi vận dụng, giáo viên lựa chọn các hoạt động phù hợp để vận dụng vào từng bài học cụ thể. Tùy vào nội dung bài học chúng ta có thể đổi tên thẻ cho sát với nội dung bài học. Gợi ý điều chỉnh thẻ EL22 *"Bát canh chữ cái"* có thể điều chỉnh tên gọi để phù hợp với nội dung học về toán sẽ đổi tên *"Bát canh chữ số"*, hoặc khám phá khoa học về các loại rau, củ, quả thì gọi tên *"Bát canh rau xanh" "bát canh rau, củ, quả".* Khi vận dụng vào các lĩnh vực phát triển khác nhau, giáo viên cũng có thể tích hợp để trẻ củng cố các chữ cái/âm đầu thông qua đọc tên chữ số, tên các loại rau/ quả. Ví dụ: khi đọc số 3, 4, 7 ngoài việc nhận mặt chữ số 3, 4, 7 giáo viên cho trẻ nghe âm "ba, bốn, bảy" và viết ra để trẻ biết các chữ số đó khi đọc cũng đề bắt đầu bằng âm "bờ". Tương tự như vậy với các nội dung khác trong khám phá khoa học, nghệ thuật (tạo hình, âm nhạc), phát triển thể chất (vận động)...

Ví dụ điều chỉnh thẻ EL22 vận dụng vào chủ đề thực vật "Nhận biết các loại rau", hoạt động của thẻ này có thể vận dụng vào hoạt động trọng tâm như một phần của bài học chứ không phải toàn bộ. Khi giáo viên soạn bài sẽ sử dụng thẻ phù hợp với nội dung trong bài học (tham khảo bài soạn gợi ý trên sử dụng thẻ EL1 "miêu tả đồ vật")

EL 22 "Bát canh chữ cái" điều chỉnh "bát canh rau, củ, quả"	
MÔ TẢ	Trẻ thực hành nhận biết các loại rau, củ, quả và đọc tên các loại rau, củ, quả thành tiếng cho trẻ nhận biết âm đầu và chữ cái trong tên các loại rau, củ, quả.
KĨ NĂNG CƠ BẢN	□Trò chuyện và lắng nghe, ABC Kiến thức về bảng chữ cái
KĨ NĂNG BỔ TRỢ	□Hiểu về chữ viết, □□Hiểu từ và âm, **1 2 3** Số và đếm
ĐỒ DÙNG	- Thẻ loto về 5 loại rau, củ, quả (hoặc vật thật) ví dụ: quả bầu, quả mướp, rau cải, rau muống, cà rốt, su su.

	- Thẻ chữ số, bát/hộp, giấy, bút chì màu, bút sáp hoặc bút dạ. - Đồ dùng mỗi nhóm có 3 loại rau, củ, quả khác nhau có thể vật thật/hoặc loto (không nên trùng nhau), mỗi nhóm tối đa 5 trẻ có cả nam-nữ.
HOẠT ĐỘNG	1. GV nói: "Các con hãy nhìn đây là một bát canh có nhiều loại rau, củ, quả. Chúng ta nếm thử canh rau này xem có ngon không nhé. Giả vờ khuấy, nếm nước canh, thêm gia vị. "Ngon quá! (GV nhắm mắt và lấy ra từng loại rau, củ, quả xem đó là gì). - GV giơ rau, củ, quả lên và hỏi đây là gì? thì các con nói to tên của nó nhé. GV làm mẫu giơ 1 thẻ lên, trẻ nói tên đúng thì và để thẻ đó ra ngoài. Sau đó gọi 1-2 trẻ lên thực hiện lại. Trẻ lấy và nói tên loại rau, củ, quả nào thì GV viết tên loại đó lên bảng (trẻ sẽ quan sát được cách viết chữ và tên loại rau, củ, quả đó) 2. Cho cả lớp nhắc lại tên từng loại ra và hỏi trẻ xem có bao nhiêu loại rau, củ, quả trong bát canh, cho trẻ đếm. GV đặt thẻ chữ số 5 vào bát canh rau. 3. GV trò chuyện với trẻ về đặc điểm, lợi ích của từng loại rau/ củ/ quả 4. Chia trẻ thành 3 nhóm (chia đều nam-nữ vào các nhóm một cách tương đối), mỗi nhóm có 3 loại rau/củ/quả, thẻ tên các loại. Trẻ thảo luận trong nhóm để tìm hiểu về các loại rau, củ, quả bằng cách thay phiên nhau hỏi và trả lời về đặc điểm, lợi ích của từng loại 5. Sau đó giáo viên nói: "các nhóm sẽ tìm thẻ tên rau, củ, quả gắn với hình của nó và ***gạch chân chữ cái đã được học*** có trong tên các loại rau, củ, quả (có thể nhìn trên bảng để kiểm tra tên các loại rau, củ, quả GV vừa viết trên bảng)  

	   6. Kiểm tra kết quả của từng nhóm, cho trẻ chỉ vào từng tiếng đọc to tên rau, ví dụ. *Củ - cà - rốt*. Sau đó cho trẻ tìm những chữ cái đã học. (Nếu trẻ thấy khó, giáo viên đưa ví dụ làm mẫu). *Như vậy chúng ta có thể vừa tích hợp nội dung khám phá khoa học vừa nhận biết các chữ cái.*
THAY ĐỔI VÀ MỞ RỘNG	**Thay đổi** □ Có thể vận dụng vào các hoạt động khác và cho trẻ quan sát lớp xung quanh lớp tìm chữ cái đã học trên các thẻ chữ trong lớp □ Sử dụng hoạt động này thành "Bát canh từ" vào cuối năm học khi trẻ đã nhận biết được từ. Giáo viên cũng có thể sử dụng tên các trẻ trong lớp. **Mở rộng** □ Một số trẻ mới sẽ nhặt lấy những thẻ từ bát canh với các đồ vật khác. Nếu là trẻ đa ngôn ngữ thì có thể liên hệ với tiếng mẹ đẻ của trẻ. □ Khi trẻ đã thành thạo, có thể yêu cầu trẻ nói một âm hoặc một từ bắt đầu bằng âm đó. Cho một số ví dụ về từ có âm đó đứng đầu, giữa hoặc cuối của từ.

Lưu ý: Trong quá trình thực hiện hoạt động, GV quan sát xem có sự khác biệt giữa trẻ trai hay gái trong việc tích cực tham gia phát biểu/chia sẻ ý kiến với câu hỏi của GV hay không và khuyến khích các em tham gia để đảm bảo cả trẻ em trai-gái đều có cơ hội học tập, phát triển như nhau.

5.3.2.3. Hướng dẫn vận dụng thẻ hoạt động EL "Hiểu biết về chữ viết" để phát triển ngôn ngữ và kĩ năng đọc- viết cho trẻ mẫu giáo vùng DTTS

Các thẻ EL "*Hiểu biết về chữ viết*" phù hợp với mục đích, nội dung cho trẻ làm quen chữ viết trong Chương trình giáo dục mầm non. Cụ thể:

- Nhận dạng chữ cái viết chữ in hoa, in thường và viết thường (*giúp trẻ dễ dàng nhận biết được tất cả các dạng chữ cái trong các văn bản chữ viết tiếng Việt)*
- Nhận biết được chữ cái trong từ chỉ vật cụ thể. Trẻ hiểu được mối quan hệ giữa chữ viết với các từ được nói ra.
- Phân biệt những điểm giống nhau và khác nhau giữa các chữ viết trong từ qua đó phát triển tư duy, trí nhớ, sự chú ý.
- Giúp trẻ làm quen với một số kĩ năng "đọc sách", cầm bút viết, sử dụng sách vở, tư thế ngồi đọc, viết.…

* Các hoạt động làm quen với chữ viết.

- Đọc truyện thông qua hình ảnh tranh vẽ ...
- Thông qua hoạt động chơi.
- Tập tô/ đồ các nét và chữ cái, sao chép một số kí hiệu, chữ cái, tên của mình.
- Tổ chức các hoạt động trải nghiệm cho trẻ tự viết theo cách riêng của mình (vẽ, viết nét nguệch ngoạc, viết sáng tạo...)

Các hoạt động và nội dung của các thẻ EL "*Hiểu biết về chữ viết*" giúp trẻ hiểu được vị trí của các "chữ cái" (âm tiết) trong từ, biết cách đọc từ trái sang phải, từ trên xuống dưới và kĩ năng cầm bút tô các nét chữ. Trẻ mẫu giáo chưa biết đọc chữ, trẻ "đọc" theo cách riêng của mình, "đọc" thông qua hình ảnh trong các bức tranh trong truyện hoặc "đọc" theo ghi nhớ những câu chuyện được giáo viên hoặc cha mẹ đọc lời dưới mỗi bức tranh, sau đó trẻ nhìn vào tranh nhớ lại những gì đã được nghe và "đọc" lại. Trong quá trình GV/cha mẹ kể, trẻ phải chú ý lắng nghe và tương tác với người đọc thông qua các câu hỏi để hiểu nội dung câu chuyện, trẻ mới có thể kể lại được. Như vậy, trẻ không chỉ hiểu về chữ viết mà ngôn ngữ cũng được phát triển. Đây là cũng là kĩ năng cơ bản ban đầu về đọc, viết cần chuẩn bị cho trẻ khi vào lớp 1. Tuy nhiên đối với trẻ dân tộc thiểu số, thì giáo viên cần tóm tắt lại nội dung câu chuyện và khi kể/đọc nên lược bớt các từ không cần thiết và sử dụng câu đơn giản và cho trẻ làm quen với các từ mới trước khi kể chuyện, như vậy trẻ sẽ hiểu và dễ nhớ hơn.

a. Gợi ý cách vận dụng thẻ EL26 "Hình ảnh trong câu chuyện 2" cho trẻ làm quen với chữ viết

Vận dụng thẻ EL26 *"Hình ảnh trong câu chuyện 2"* trong hoạt động kể chuyện phù hợp với việc hình thành kĩ năng đọc thông qua việc vừa đọc giáo viên vừa chỉ vào các chữ dưới mỗi bức tranh. Từ đó trẻ biết cách đọc sách: đọc từ trái sang phải, từ trên xuống dưới.

Ví dụ: để củng cố nội dung câu chuyện, giáo viên có thể vận dụng nội dung và các bước trong thẻ EL26, nhưng chỉ cần đổi tên *"Vẽ tranh theo câu chuyện"* và định hướng vào nhiệm vụ trọng tâm cho trẻ (giáo viên nên chọn những truyện đơn giản, nhân vật trong truyện là những con vật trẻ dễ nhớ –ví dụ: dê đen dê trắng).

Với thẻ EL 26, giáo viên có thể giữ nguyên, riêng bước 2 đối với trẻ dân tộc sẽ gặp khó khăn nên điều chỉnh bằng cách bổ sung câu hỏi gợi ý:

- Các con có nhớ điều gì xảy ra trong câu chuyện "Dê đen dê trắng" này không? (giơ sách)

- Ai có thể kể lại được nội dung bức tranh này? (giở từng tranh để trẻ có thể nhớ lại)

Sau đó, tiếp tục từ bước 3 -7, cho trẻ thảo luận tìm ra một số nội dung trong bức tranh mà trẻ có thể vẽ và thực hiện. (việc vẽ lại cũng là kĩ năng tiền viết)

Hoặc thẻ EL51 *"Phân loại tranh, chữ cái, từ"* nội dung này là mới đối với giáo viên chưa được thực hiện trong các giờ học làm quen với chữ cái trong chương trình giáo dục mầm non. Tuy nhiên GV có thể vận dụng thẻ này như một trò chơi cho trẻ phân biệt sự khác nhau giữa tranh, chữ cái và từ là rất cần thiết trong việc cho trẻ hiểu biết về chữ viết đây là kĩ năng tiền viết quan trọng chuẩn bị cho trẻ tập viết ở lớp 1. Về cơ bản giáo viên có thể vận dụng các bước trong thẻ EL51 như một trò chơi sau một tiết học để củng cố các chữ cái đã học. Tuy nhiên, có thể điều chỉnh thẻ EL51 bằng cách bổ sung bước 1 như sau: giáo viên cho trẻ xem lại các thẻ loto có chữ đã thực hiện ở thẻ EL22 "Bát canh rau", cho trẻ xem lại các hình ảnh rau và tên các loại rau và hỏi trẻ:

- Cô giơ tranh và hỏi: trong bức tranh này ai có thể chỉ ra đâu là tranh, đâu là chữ cái và đâu là từ? sau đó cho trẻ quan sát các thứ giáo viên đã chuẩn bị và trộn vào nhau (bước 1). Trong bước 4, số nên chia thành nhóm 3 để mỗi trẻ sẽ cầm 1 loại (tranh, chữ cái và từ) mà nhóm trẻ đã lựa chọn, để trẻ nào cũng được tham gia.

b. Hướng dẫn điều chỉnh thẻ EL "Hiểu biết về chữ viết" vận dụng vào các lĩnh vực khác trong Chương trình giáo dục mầm non

Ngoài hoạt động cho trẻ làm quen với chữ viết, thẻ EL49 *"vẽ chữ trên cát/đất"* có thể sử dụng cho nhiều hoạt động giáo dục khác nhằm củng cố cho trẻ kiến thức về bảng chữ cái và khả năng hiểu chữ viết. Tuy nhiên, cách thức tổ chức hoạt động, đồ dùng phương tiện trong thẻ EL49 sẽ thay đổi hoặc điều chỉnh cho phù hợp với mục tiêu và nội dung trọng tâm của giờ "học". Ví dụ:

a) Hoạt động tạo hình, giáo viên có thể thay đất/cát bằng màu nước. GV cho trẻ chấm tay vào khay màu đã được chuẩn bị sẵn và vẽ một chữ cái mà trẻ đã được học lên giấy. Sau

khi vẽ chữ cái xong, trẻ có thể dùng một số màu khác để trang trí cho chữ cái của mình, có thể dùng các chấm tròn màu sắc hoặc vẽ thêm một vài chi tiết tùy vào khả năng sáng tạo của từng trẻ. Với hoạt động này giúp trẻ làm quen với cách phối màu và có thể tạo ra các màu khác nhau từ màu cơ bản.

b) Hoạt động cho trẻ làm quen với thơ truyện, giáo viên có thể sử dụng thẻ hoạt động này để gây hứng thú với trẻ bằng cách cho trẻ vẽ lên sàn nhà/vẽ trên không những chữ cái o, ô, ơ… trong truyện "gà tơ đi học" để bắt đầu vào câu chuyện sẽ kể, sau đó cho trẻ biết rằng việc biết đọc chữ rất quan trọng, vì lười học nên không biết đọc chữ nên gà con không đọc được giấy thông báo của "cô giáo Vịt Xám".

c) Đối với hoạt động khám phá khoa học, giáo viên có thể thay đổi bằng cách cho trẻ làm thí nghiệm về nước bốc hơi. Cho trẻ dùng ngón tay chấm vào nước và vẽ chữ cái trên mặt kính, sau đó đem kính ra ngoài trời phơi nắng hoặc dùng máy sấy tóc để sấy, trẻ sẽ nhìn thấy chữ cái dần dần bốc hơi và biến mất. Cũng có thể thay đổi tính chất và màu của nước, để trẻ được trải nghiệm và khám phá về nước, về tính hòa tan của màu sắc trong nước…

5.3.2.4. Sử dụng thẻ EL "Hiểu về sách" để phát triển ngôn ngữ và kĩ năng đọc, viết cho trẻ mẫu giáo vùng DTTS

Các thẻ EL "*Hiểu về sách"* đáp ứng được mục tiêu của làm quen với sách trong Chương trình giáo dục mầm non, cụ thể:

- Xem và «đọc» các loại sách tranh truyện khác nhau.
- Cầm sách đúng chiều, mở sách, xem tranh và "đọc" truyện.
- Phân biệt phần mở đầu, kết thúc của sách.
- Làm quen với cách đọc sách: (đọc, viết: từ trái sang phải, từ trên xuống dưới)

Các hoạt động và nội dung của các thẻ EL "*Hiểu về sách*" giúp trẻ hiểu được cấu tạo của sách, bắt đầu từ trang bìa trước, nội dung chính của cuốn sách và trang bìa cuối. Cách sử dụng sách như cách giở sách từ phải sang trái, biết cách đọc chữ từ trái sang phải, từ trên xuống dưới. Khi làm quen với sách, trẻ hiểu được trong sách có những câu chuyện hay, những điều lí thú từ đó trẻ sẽ có thói quen "đọc" sách, có nhu cầu người lớn đọc sách cho mình nghe. Vì vậy, khi trẻ có nhu cầu "đọc" sách ở góc thư viện, giáo viên nên đọc cho trẻ nghe, khi đọc giáo viên vừa đọc vừa chỉ chữ như cách làm trong tiết học (đối với các câu chuyện mới), dần dần trẻ sẽ tự hướng dẫn cho nhau cách "đọc" sách. Thường xuyên thực hiện như vậy sẽ hình thành cho trẻ kĩ năng sử dụng sách. Khi trẻ đã hiểu cách sử dụng cách, trẻ sẽ vừa tự "đọc" sách qua tranh vừa thoải mái trò chuyện với nhau về câu chuyện trong nhóm (khi chơi với nhau trong nhóm trẻ thường hay nói với nhau cả tiếng mẹ đẻ và tiếng Việt), qua đó không chỉ giúp ngôn ngữ mẹ đẻ mà còn tăng cường tiếng Việt cho trẻ.

a. Gợi ý cách sử dụng thẻ EL58 "Đọc sách"cho trẻ làm quen với văn học

Trẻ mẫu giáo chưa biết đọc, biết viết, tuy nhiên việc đọc sách nhằm mục đích hình thành cho trẻ kĩ năng "Đọc sách", hình thành thói quen và sự thích thú đối với sách. Giáo viên vận dụng thẻ *EL58 "Đọc sách"* trong giờ kể chuyện và trong hoạt động góc thư viện động rất phù hợp với việc cho trẻ làm quen với sách. Nội dung các thẻ EL "Hiểu biết về chữ viết" có mối quan hệ trực tiếp với các thẻ EL "Hiểu về sách". Đối với trẻ mẫu giáo, những chữ viết đầu tiên trẻ được làm quen là trong những cuốn sách tranh truyện.

Thẻ EL58 hoàn toàn phù hợp với mục tiêu trong lĩnh vực phát triển ngôn ngữ là giúp trẻ mẫu giáo làm quen với sách, hình thành cho trẻ kĩ năng ban đầu về đọc-viết. Cách thực hiện trong thẻ EL58 đã tạo cơ hội cho tất cả trẻ được tham gia và chú ý lắng nghe khi cô đọc (nếu không sẽ bỏ qua mất chữ). Riêng yêu cầu ở bước 1 có thể thay đổi là sách tranh truyện chữ to và ít chữ, không nhất thiết phải có 1 dòng chữ.

Ví dụ: Khi sử dụng thẻ EL58 trong hoạt động làm quen với văn học, giáo viên có thể thay đổi các bước của hoạt động này sao cho đảm bảo được mục đích hình thành cho trẻ kĩ năng "đọc" sách (từ phải qua trái, từ trên xuống dưới) bằng cách để trẻ tự đặt viên sỏi và di chuyển viên sỏi khi đọc. Ngoài ra cũng cần cho trẻ hiểu nội dung câu chuyện dựa vào các bức tranh. Khi trẻ chơi ở hoạt động góc hoặc hoạt động ngoài trời/ hoạt động chiều, giáo viên có thể trò chuyện cùng trẻ về nội dung trẻ đã "đọc", liên hệ điều trẻ đọc được với kinh nghiệm sống hàng ngày của trẻ (cả tiếng mẹ đẻ và tiếng Việt, tùy theo khả năng của trẻ).

Thẻ EL58 được sử dụng không chỉ để củng cố bài học, mà còn giúp trẻ kể hoặc "đọc" truyện một cách sáng tạo. Chẳng hạn, dựa vào các bức tranh trẻ nghĩ ra nội dung khác và "đọc" lại cho các bạn nghe. Trong quá trình trẻ đọc sách, giáo viên đặt câu hỏi giúp trẻ tìm ra các chữ cái trong các trang sách. Trong quá trình này, nếu giáo viên nhận ra những khuôn mẫu, định kiến giới tồn tại trong câu chuyện về cuộc sống hàng ngày của trẻ thì cần điều chỉnh để thay đổi.

a. Hướng dẫn điều chỉnh thẻ EL "Hiểu về sách" vận dụng vào các hoạt động khác trong Chương trình giáo dục mầm non

- Các thẻ EL "Hiểu về sách" có thể vận dụng vào việc ôn tập các chữ cái. Ví dụ: thẻ EL58 ngoài việc cho trẻ làm quen với cách đọc sách từ trái sang phải, từ trên xuống dưới, giáo viên có thể điều chỉnh cho trẻ nhận biết các chữ cái đã học và chuẩn bị đồ dùng. Mỗi nhóm đồ dùng gồm có: 1 quyển truyện tranh, bút đánh dấu/ hoặc 2 loại hạt, mỗi loại 4-8 hạt (8 hạt đậu và 8 hạt lạc) và 2 thẻ chữ cái b và d và 1 bộ thẻ chữ số (từ 3-5). Mỗi nhóm 3 bạn có cả nam và nữ (yêu cầu trẻ ngồi cùng chiều để có thể cùng "đọc sách" (số trẻ trong nhóm càng ít, số trẻ được tham gia trực tiếp và hoạt động càng nhiều). Giáo viên phát đồ dùng và yêu cầu tất cả trẻ cùng "đọc" cẩn thận, chậm rãi trong 2 trang đầu để tìm ra chữ b và chữ d trong các dòng chữ đã đọc. Khi đọc tìm được dùng bút màu gạch chân hoặc dùng hạt đặt một hạt lên chữ b và một hạt màu khác lên chữ d để phân biệt. Khi đọc xong cho

trẻ lấy hết hạt đã đặt ở chữ b để vào thẻ chữ cái b, và hạt ở chữ d đã đặt lên chữ d. Sau đó đếm xem có bao nhiêu chữ b và bao nhiêu chữ d rồi chọn chữ số đặt vào như gợi ý hình dưới đây *(yêu cầu mỗi bạn sẽ tìm 1 chữ b và 1 chữ d và đặt hạt lên, để tất cả cùng được thực hiện. Các bạn khác có thể tìm chữ để cho bạn đặt để tránh chỉ có 1 bạn thực hiện bạn khác ngồi nhìn- hình thành kĩ năng làm việc nhóm cho trẻ)*.



Nhóm nào xong, giơ tay nói số lượng chữ b và d mà nhóm mình tìm được. Tất cả các nhóm đều được báo cáo, giáo viên có thể kiểm tra 1 -2 nhóm bằng cách đọc to cho cả lớp nghe và khi phát hiện cô đọc đến từ nào có âm b sẽ vỗ tay 1 lần, nếu đọc đến chữ d vỗ tay 2 lần. Như vậy, trẻ không chỉ phân biệt mặt chữ cái b-d mà còn phân biệt được âm b-d trong từ.

- Điều chỉnh thẻ EL18 *"Làm sách theo đề tài" để vận dụng vào hoạt động tạo hình.* Ví dụ trong giờ tạo hình vẽ theo chủ đề:

Bước 1: Giáo viên: Các con đã nghe cô đọc và kể rất nhiều truyện do nhiều tác giả viết, hôm nay chúng ta sẽ tự mình làm những sách tranh mà chính các con là tác giả đã vẽ để làm thành câu chuyện.

Bước 2: Mỗi nhóm (có cả nam-nữ) sẽ thảo luận xem nhóm mình sẽ làm một cuốn sách về chủ đề mà nhóm cùng sở thích và các con chính là tác giả. (nếu trẻ không hiểu có thể lấy ví dụ tên tác giả của một câu chuyện trẻ đã học- giơ lên cho trẻ xem).

Bước 3: Phát giấy bút cho các nhóm, các nhóm thảo luận tên về cuốn sách của mình. Có thể gợi ý cho trẻ vẽ về các con vật, hoa quả, đồ vật mà nhóm thích

Bước 4: Các nhóm vẽ theo chủ đề đã chọn.

Bước 5: Các nhóm tập hợp sản phẩm và dán (dập ghim) tạo thành quyển sách. Lấy 1 tờ giấy khác làm bìa, trẻ sẽ viết tên của mình vào đó làm tên tác giả.

Bước 6: Cho từng nhóm nói về chủ đề cuốn sách đã làm (giở từng trang, đến tranh của bạn nào bạn ấy sẽ nói về bức vẽ của mình). Như vậy, sẽ giúp trẻ phát triển kĩ năng nói.

Bước 7: Các nhóm mang sach của mình vào góc sách để cả lớp có thể xem chung

* *Lưu ý:* Đối với trẻ mẫu giáo vùng dân tộc thiểu số cách làm này sẽ gặp khó khăn, nên thời gian đầu có thể cho trẻ nói bằng tiếng mẹ đẻ (chỉ cần trẻ mạnh dạn nói, sau đó có thể hỏi bạn nào xung phong nói lại những điều bạn vừa kể cho cô và các bạn nghe.

- GV cần đề cao tinh thần hợp tác, chia sẻ giữa trẻ trai-gái để cùng nhau học tập tốt hơn.

- GV cần hướng dẫn HS xoá bỏ các khuôn mẫu, định kiến giới đang tồn tại trong ý kiến cá nhân, chia sẻ cặp đôi nam-nữ và gợi ý các giải pháp thay đổi khi trẻ chia sẻ.

5.3.2.5. Vận dụng các thẻ EL về "Hiểu biết về từ và âm" phát triển ngôn ngữ và kĩ năng đọc, viết cho trẻ mẫu giáo vùng DTTS

"Hiểu biết về từ và âm" là nội dung khá mới trong lĩnh vực phát triển ngôn ngữ, tuy nhiên vẫn đảm bảo được mục tiêu phát triển ngôn ngữ và hoạt động làm quen với chữ cái trong Chương trình giáo dục mầm non và cũng là nội dung cơ bản để hình thành kĩ năng đọc - viết cho học sinh lớp 1, đó là:

- Phát âm đúng các âm trong bảng chữ cái tiếng Việt.
- Diễn đạt rõ ràng, phát âm đúng các từ tiếng Việt thông qua hoạt động giao tiếp và học tập.
- Hiểu và sử dụng đúng nghĩa từ tiếng Việt trong giao tiếp hằng ngày.
- Trả lời và đặt câu hỏi.

b. Gợi ý cách sử dụng thẻ EL15 "Cùng bạn ghép tên" cho trẻ làm quen với chữ cái

Thẻ EL có thể vận dụng vào việc củng cố nhận biết các chữ cái và kĩ năng nghe lời nói trong giao tiếp hằng ngày. Để vận dụng nội dung này, trẻ cần có vốn từ, vốn kiến thức về các sự vật xung quanh mình để có thể kết nối và nhận ra sự tương quan giữa âm đầu với vần trong các từ (tương ứng với âm đầu. Tuy nhiên, nội dung của thẻ EL "Hiểu từ và âm". Nếu được làm quen với thuật ngữ này từ mẫu giáo để khi vào lớp 1 trẻ đỡ bỡ ngỡ, mặt khác cũng giúp giáo viên và trẻ mầm non phân biệt được giữa "âm" và "chữ" (ví dụ: Trong bảng chữ cái viết "b" nhưng khi phát âm là âm "bờ").

* *Lưu ý:* Khi cho trẻ làm quen với "từ và âm" chỉ thực hiện vào cuối năm học, khi trẻ đã làm quen đủ 29 chữ cái trong bảng chữ cái tiếng Việt.

Ví dụ: khi vận dụng thẻ EL15 "Cùng bạn ghép tên" cho trẻ ôn lại các chữ cái đã học và phân biệt "âm" đầu trong tên của mình. Gợi ý điều chỉnh thẻ EL15 như sau:

EL15 "Cùng bạn ghép tên"	
MÔ TẢ	Trẻ ghép các thẻ có chữ cái/vần/từ thành tên của mình hoặc tên đồ vật có trong lớp.
KỸ NĂNG CƠ BẢN	Hiểu từ và âm
KỸ NĂNG BỔ TRỢ	ABC Kiến thức về bảng chữ cái, Hiểu về chữ viết
ĐỒ DÙNG	Chuẩn bị: - In (viết) cho mỗi trẻ một thẻ tên của mình vào giấy như hình vẽ và gắn băng dính hai mặt ở phia sau (thẻ dài ngắn phụ thuộc và tên của từng trẻ) dung hoa - và 1 thẻ tên cắt đôi gồm 1 âm đầu và vần. VD: âm "d" vần "ung " trong tên dung (không viết chữ hoa) d ung

	- Mỗi trẻ 1 bộ thẻ chữ cái. Cho tất cả các thứ trên vào rổ đựng đồ dùng
HOẠT ĐỘNG	1. GV nói: "Hôm nay chúng ta sẽ cùng chơi trò chơi ghép tên từ những mảnh ghép tên tên của các con. Các con sẽ ghép các mảnh ghép này lại để tạo thành tên của mình nhé." 2. GV làm mẫu: đây là tên của cô. Cô tên là gì, trẻ nói: cô tên "Hiền", đúng rồi cô tên là Hiền. Vậy chữ cái đầu tiên trong tên của cô là chữ gì? Trẻ: chữ "h" cả lớp phát âm cùng cô "hờ" (nhắc lại 3 lần). Các con thử tìm xem lớp mình có bạn nào cũng có tên âm đầu à "hờ" giống cô không? (trẻ tự tìm tên các bạn trong lớp (Hòa, Hoa…). Giờ cô ghép hai thẻ sát vào nhau cho trẻ quan sát (Cô chuẩn bị sẵn 2 thẻ âm "h" và vần "iên" - giáo viên sử dụng thuật ngữ "vần" mà không cần giải thích hay có thể nói một thẻ có 1 chữ cái và một thẻ có nhiều chữ cái) 3. Phát thẻ tên của trẻ (đúng tên của từng trẻ). Trong rổ đồ dùng có thẻ tên của các con, các con hãy nhìn kĩ tên của mình bắt đầu bằng chữ cái gì và đọc to tên của mình. Sau đó các con ghép 2 thẻ nhỏ thành tên của mình. 4. Dành thời gian cho trẻ ghép các mảnh ghép trong tên của trẻ lại. 5. Đi quanh lớp, quan sát trẻ thực hiện và khuyến khích trẻ. "Việc này trông có vẻ khó, nhưng các con sẽ làm được!". Gọi 3-4 trẻ (có cả trẻ trai và gái) đọc tên của mình và hỏi "tên của con bắt đầu bằng âm gì"? 6. Giáo viên chọn 3 chữ cái mà trong lớp nhiều tên có âm đầu trùng nhau. Ví dụ: h, t, hoặc d. Bây giờ các con nhìn lên bảng, cô có 3 chữ cái, các con quan sát và so sánh chữ cái trong tên của bạn nào giống với các chữ cô gắn trên bảng sẽ dán thành 1 hàng. 7. Cho cả lớp đọc to tên của các bạn được gắn và cô nhắc lại âm đầu của từng nhóm tên. Ví dụ: "hoa, hiền, hậu, hương", tất cả các bạn này đầu có âm đầu là hờ, tất cả phát âm cùng cô "hờ", tương tự với các tên khác như "tùng, tâm, tiến" 8. Giới thiệu cho trẻ biết chữ cái đầu trong tên gọi là âm đầu "d", còn "ung" phần sau gọi là "vần" (không phân tích gì thêm)

THAY ĐỔI VÀ MỞ RỘNG	**Nâng cao**: Thay vì sử dụng tên, GV có thể sử dùng các từ chỉ đồ vật trong gia đình/hoa quả/cây/con vật trong các tranh lô tô (có chữ) và các thẻ chữ cùng tên với các tranh lô tô trên, để trẻ tìm xếp cho đúng, đây là cách "đọc" của trẻ mầm non. (sau mỗi chủ đề học có thể chọn 3-4 từ và hình theo chủ đề đã học. Ví dụ: tranh lô tô có chữ    Các thẻ từ tương ứng: trẻ sẽ "đọc" và xếp cho đúng nếu trẻ gặp khó khăn, giáo viên gợi ý cho trẻ so sánh từng chữ cái trong từ. Giới thiệu cho trẻ đây là các từ chỉ tên các loại hoa. Hoa mướp Hoa mua Hoa ngũ sắc

Điều chỉnh thẻ EL57 "Tìm kiếm âm" phát triển kĩ năng nghe và phân biệt các âm trong bảng chữ cái. Sau khi làm quen với thẻ EL15 "Cùng bạn ghép tên", vận dụng thẻ EL57 vào các chữ cái đã học để tìm âm. Ví dụ: khi học chữ cái "l, n" cho trẻ tìm các đồ vật/ con vật/ đồ chơi, đồ dùng… có âm đầu là l và n . Trò chơi này có thể chơi trong lớp hoặc ngoài sân, tùy thuộc vào các đối tượng phù hợp với chữ cái đang học. Ví dụ: "âm l" trẻ sẽ tìm các từ có các từ "lá", "lá" "lúa", "lọ", "lược"…; "âm n" các từ sẽ là "nón" "nóng", "nằm"…phần này chủ yếu là rèn luyện kĩ năng phân biệt các âm nên giáo viên cho trẻ nhắc đi nhắc lại nhiều lần khi phát âm mà không cần viết thành chữ.

b. Hướng dẫn điều chỉnh thẻ EL "Hiểu từ và âm" vận dụng vào các lĩnh vực khác trong Chương trình giáo dục mầm non

Có thể điều chỉnh thẻ EL57, giáo viên cũng có thể chia lớp thành 3 nhóm (mỗi nhóm đều có nam-nữ) và cho trẻ thi đua với nhau, tìm những đồ vật trong lớp học và lần lượt các nhóm nói tên các đồ vật mình tìm thấy. Tận dụng những đồ vật có sẵn trong lớp học, chấp nhận kết quả bằng tiếng mẹ đẻ nhưng vẫn phải đúng với các âm đã qui định. Sau đó, tìm các đồ vật bằng tiếng Việt. Khi trẻ phát âm tiếng Việt, nếu từ đó có âm đầu giống với âm mà cô đưa ra thì kết quả được công nhận.

Ngoài việc tìm các đồ vật trong lớp học có âm đầu bắt đầu bằng những chữ cái cô đưa ra, giáo viên có thể chuẩn bị một số hình ảnh (không có chữ) có liên quan và cả những hình ảnh không liên quan. Nhiệm vụ của trẻ là lựa chọn những hình ảnh có tên bắt đầu bằng chữ

cái của cô và dán vào sách tranh được trẻ chuẩn bị từ trước (cần có kế hoạch để trẻ làm sách bằng giấy hoặc bìa màu, ở hoạt động này trẻ chỉ cần dán các hình ảnh lên, bên ngoài bìa sách trẻ dán chữ cái mà cô đưa cho trẻ).

Thẻ EL57 có thể sử dụng lồng ghép giữa học chữ cái với kĩ năng đếm. Sau khi hướng dẫn cách chơi và giới thiệu các chữ cái, giáo viên chia lớp thành 3 nhóm có cả nam-nữ và cung cấp cho trẻ một số hình ảnh cô đã chuẩn bị sẵn, một tấm bìa khổ A3 chia làm 2 hoặc 3 phần trên đó có dán các chữ cái như "**t, m, v"** hoặc một nhóm bất kì. Nhiệm vụ của trẻ là tìm đủ 5 hoặc 6 đồ vật mà âm đầu của đồ vật đó giống với chữ cái được dán ở đầu mỗi ô.

Thẻ EL57 có thể sử dụng trong hoạt động cho trẻ làm quen với môi trường xung quanh, hoạt động tạo hình: ví dụ: khi tìm hiểu về các loài hoa của mùa xuân, giáo viên có thể yêu cầu trẻ kể tên những loài hoa bắt đầu bằng âm "lờ" (hoa ly, hoa lan, hoa lay ơn, hoa loa kèn…). Hoặc kể tên những loại quả bắt đầu bằng âm "dờ" (quả dưa, quả dứa, quả dừa, quả dưa chuột, quả dưa hấu…); các đồ dùng, dụng cụ trong nhà hoặc ở lớp bắt đầu bằng âm "cờ" (cuốc, cày, cối, cưa...). Hoặc sau khi kể tên, giáo viên cho trẻ vẽ lại một thứ mà trẻ thích hoặc hát bài hát có tên hoa, quả, đồ vật đó.

5.3.2. Hoạt động 3: Hướng dẫn vận dụng thẻ EL vào các hoạt động giáo dục trong chế độ sinh hoạt một ngày

Bài tập thực hành

Thực hành điều chỉnh thẻ EL và tổ chức hoạt động thực hành theo nhóm sử dụng thẻ EL để phát triển ngôn ngữ và kĩ năng đọc viết cho trẻ mẫu giáo DTTS vào các thời điểm dưới đây:

- *Vận dụng thẻ EL vào hoạt động chiều, đón/trả trẻ*
- *Vận dụng thẻ EL vào hoạt động chơi/góc*
- *Vận dụng thẻ EL vào hoạt động ngoài trời.*

Thẻ EL làm quen với đọc viết trong bộ công cụ ELM, ngoài mục tiêu chính là phát triển ngôn ngữ và làm quen với kĩ năng đọc viết sớm, mà còn có thể vận dụng trong các lĩnh vực phát triển nhận thức, vận động, tình cảm xã hội và thẩm mĩ (xem gợi ý bảng 4). Ngoài ra, giáo viên có thể điều chỉnh, vận dụng thẻ EL một cách linh hoạt trong chế độ sinh hoạt một ngày để phát triển ngôn ngữ và kĩ năng đọc viết cho trẻ mẫu giáo DTTS mọi lúc mọi nơi. Mỗi thẻ GV có thể lựa chọn 1-2 hoạt động cụ thể, hoặc điều chỉnh hoạt động cho phù hợp với nội dung cần cũng cố, ôn luyện trong chế độ sinh hoạt 1 ngày của trẻ. Tuy nhiên để vận dụng các thẻ vào các thời điểm này không nhất thiết phải thực hiện toàn bộ các bước trong thẻ, mà cần điều chỉnh cho phù hợp với mục đích và thời gian của từng thời điểm. Cụ thể vận dụng thẻ EL như gợi ý dưới đây:

a. Vận dụng thẻ EL vào đón/trả trẻ và hoạt động chiều,

Thẻ EL15 "Cùng bạn ghép tên", EL18 "Làm sách theo chủ đề ", EL19 "Hình ảnh trong câu chuyện 1", EL20 "Đọc tranh", EL32 "Đóng băng", EL33 "Bắt lấy và nói", EL54 "Điểm danh bảng chữ cái"…có thể vận dụng cho trẻ luyện tập, trẻ tự chơi và lúc đón/trả trẻ và thực hành vào hoạt động chiều (tuy nhiên GV phải chuẩn bị sẵn đồ dùng ở các lớp và gợi ý cho trẻ sử dụng. Giáo viên có thể lựa chọn những nội dung cần củng cố, mỗi ngày sử dụng 1-2 thẻ và chuẩn bị sẵn các đồ dùng. Ví dụ khi sử dụng thẻ Thẻ EL15 "Cùng bạn ghép tên" để cho trẻ ôn các chữ cái, giáo viên cần đặt các thẻ tên theo nhóm (mà trong nội dung hiểu về từ và âm đã chuẩn bị cho trẻ chơi theo nhóm hoặc yêu cầu trẻ tự viết tên của mình sau đó lấy các thẻ chữ cái riêng lẻ xếp thành tên hoặc từ bất kĩ nào đó mà trẻ có thể ghép được.

b. Vận dụng thẻ EL vào hoạt động chơi/góc

Trong hoạt động chơi ở các góc, mỗi lớp đều có góc đọc sách/thư viện, một số thẻ có thể vận dụng để hỗ trợ trẻ trước hoặc trong khi chơi như: EL18 "Làm sách theo chủ đề ", EL19 "Hình ảnh trong câu chuyện 1", EL20 "Đọc tranh", EL51 "Phân loại tranh chữ cái", EL52 "Tìm đồ vật trong lớp", EL55 "Viết tên", EL58 "Đọc sách"…Trong hoạt động góc, giáo viên thường xuyên cho trẻ sử dụng các vật liệu thiên nhiên như hột, hạt, ngô đỗ để xếp các hình và chữ cái, tuy nhiên giáo viên có thể vận dụng các đồ dùng sẵn có trong lớp nhiều hơn như bộ thẻ chữ cái, chữ số, tranh ảnh trẻ đã vẽ để "làm sách theo chủ đề (thẻ EL18); hoặc giáo viên yêu câu trẻ "Tìm đồ vật trong lớp" trước khi vào nhóm chơi, (tìm những đồ vật cần sử dụng cho một nhóm chơi nào đó. Ví dụ: tìm những bức tranh của mình đã vẽ mà mình thích nhất, sau đó gợi ý cho trẻ lựa chọn những gì trẻ thích (tạo sự tự chủ cho trẻ) trẻ sẽ tự vẽ, "viết" theo cách hiểu của trẻ để tạo thành quyển sách và làm bìa bằng cách vẽ một hình ảnh khác làm bìa, sau đó cho những bạn có bức tranh đó ghi tên mình lên (tác giả) hoặc có thể yêu cầu nhóm chơi tạo hình tự thảo luận với nhau mỗi người vẽ 1 bức tranh, sau đó làm 1 quyển sách như trong thẻ EL18…hoặc vận dụng thẻ EL58 trong nhóm đọc sách…

Như vậy có thể thấy, trong hoạt động chơi/ góc, giáo viên có thể vận dụng 2-3 thẻ EL, tuy nhiên chỉ lựa chọn một số bước với nội dung và hình thức tổ chức phù hợp với mục đích của từng nhóm chơi mà không nhất thiết phải tuân thủ tất cả các bước trong thẻ.

c. Vận dụng thẻ EL vào hoạt động ngoài trời

Một số trường có thư viện ngoài trời cũng có thể tổ chức cho trẻ hoạt động này. Hoặc trẻ tự chơi theo nhóm, cô trẻ gọi ý cho trẻ một số hoạt động trong các thẻ đã được thực hành trong các giờ học. Một số thẻ có thể vận dụng để tổ chức hoạt động có chủ đích cho trẻ ở ngoài trời như: EL29 "Đi theo nhịp điệu", EL30 "Búp bê nói", trò chơi này chỉ cần đổi tên "Tôi nói" bằng cách đưa ra luật chơi, khi nào có từ "Tôi nói" các bạn sẽ thực hiện, khi nào không có từ "Tôi nói" thì sẽ không thực hiện. Đầu tiên cô sẽ làm mẫu:

- GV: "Tôi nói cả lớp vỗ tay 3 lần", trẻ: thực hiện vỗ tay 3 lần

- GV: "Cả lớp vỗ tay 3 lần hoặc ngồi xuống" cả lớp đứng yên. Hỏi trẻ vì sao, để trẻ có thể nhắc lại không có từ "tôi nói". Đây cũng là hình thức tăng cường tiếng Việt cho trẻ vùng dân tộc thiểu số. Sau đó, cho trẻ thay phiên nhau mỗi trẻ sẽ nói 2 câu, 1 câu có từ "tôi nói", 1 câu không có từ "tôi nói". Càng nhiều trẻ thực hiện và lưu ý trẻ không được nói trùng với câu các bạn khác đã nói. Hoặc những thẻ có thể sử dụng được ở ngoài trời như: EL38 "Ai đoán giỏi", EL44 "Khối hình kì diệu", EL49 "vẽ chữ trên cát/đất", EL55 "Viết tên", EL56 "Tìm từ cùng vần", EL57 "Tìm kiếm âm", EL60 "Vỗ tay" và còn nhiều thẻ khác nữa, nếu giáo viên nghiên cứu kĩ 60 thẻ EL trong bộ công cụ ELM và điều chỉnh để vận dụng cho phù hợp với mục tiêu của từng chủ đề.

- Lưu ý: Giáo viên cần đưa mối quan tâm về giới vào trong các hoạt động, từ việc sắp xếp cho trẻ trai, trẻ gái đều có cơ hội tham gia mọi hoạt động, đồng thời tích hợp xoá bỏ các khuôn mẫu giới truyền thống, định kiến giới, phân biệt đối xử về giới trong các nội dung học tập, các câu chuyện hoặc từ sự chia sẻ của trẻ. Việc tích hợp về giới vào hoạt động dạy học cần được làm thường xuyên, tận dụng mọi cơ hội để tích hợp đảm bảo cho HS hình thành thái độ tích cực để mong muốn thay đổi.

Trên đây là một vài gợi ý điều chỉnh và vận dụng 60 thẻ hoạt động (EL) phát triển kĩ năng ban đầu về đọc viết để hỗ trợ trẻ dân tộc thiểu số phát triển ngôn ngữ và kĩ năng đọc viết theo chương trình GDMN. Các nội dung trong từng thẻ đều có những hình thức hoạt động khác nhau, có mối quan hệ chặt chẽ giữa nội dung này với nội dung khác, mang tính tích hợp rất cao và tiếp cận Học thông qua chơi một cách hấp dẫn, vì vậy, giáo viên có thể tham khảo những ví dụ trên khi thực hiện để khai thác một cách tối đa và đạt hiệu quả cao. Tuy nhiên, đối với trẻ em vùng dân tộc thiểu số còn gặp khó khăn về tiếng Việt nên khi thực hiện giáo viên cần chú ý điều chỉnh giọng nói một cách rõ ràng, ngắn gọn và sử dụng những từ trẻ đã biết để giải thích cho trẻ (không giải thích dài dòng). Bộ thẻ EL như một ngân hàng hoạt động/trò chơi để giáo viên có thể vận dụng một cách linh hoạt, phù hợp với mục tiêu phát triển ngôn ngữ và có thể tích hợp vận dụng vào một số hoạt động học ở các lĩnh vực khác nhau để ***hỗ trợ cho trẻ DTTS phát triển ngôn ngữ và kĩ năng đọc – viết theo chương trình giáo dục mầm non***.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2021), Chương trình Giáo dục mầm non, NXB Giáo dục
2. Tổ chức cứu trợ trẻ em (2017) - Cục Nhà giáo và Cán bộ quản lý giáo dục, Bộ công cụ hỗ trợ trẻ mầm non làm quen với đọc viết và toán. Cuốn số 4: thẻ hoạt động cho giáo viên – Hoạt động làm quen với đọc viết.

3. Tổ chức cứu trợ trẻ em (2017) - Cục Nhà giáo và Cán bộ quản lý giáo dục, Bộ công cụ hỗ trợ trẻ mầm non làm quen với đọc viết và toán . Cuốn số 1: Giới thiệu tổng quan.
4. Tổ chức cứu trợ trẻ em (2018) - Cục Nhà giáo và Cán bộ quản lý giáo dục, Mô đun phát triển một số kỹ năng ban đầu về đọc viết cho trẻ mẫu giáo theo Chương trình giáo dục mầm non với sự hỗ trợ của bộ công cụ ELM.
5. Lưu Thị Lan (1994). *Sự phát triển NN của trẻ em lứa tuổi mẫu giáo* - Báo cáo tổng kết đề tài B26 - Viện nghiên cứu trẻ em trước tuổi học, Hà Nội, Tr. 7,10.
6. Lưu Thị Lan (1996) *Những bước phát triển NN trẻ em từ 1-6 tuổi* - luận án TS Ngữ văn, Hà Nội.
7. Nguyễn Văn Lợi (1999) Tạp chí dân tộc học số 2/1999, Trang 8-11.
8. Luật giáo dục (1998) NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
9. Trần Hữu Luyến (2002). Tiếp thu lời nói và ý nghĩa trong dạy học tiếng nước ngoài – Tạp chí Giáo dục số 3 tháng 6/2002.
10. Phan Thiều (1973) *Dạy nói cho trẻ em trước tuổi cấp 1* – NXB Giáo dục, Hà Nội. Tr. 20 – 33
11. Nguyễn Hiến Lê (1993) Tìm hiểu con em chúng ta. NXB tổng hợp Đồng Tháp. Tr. 13-20.
12. Xavier Roegiers (1996) - Khoa Sư phạm tích hợp hay "Làm thế nào để phát triển các năng lực ở nhà trường" – người dịch Đào Trọng Quang, Nguyễn Ngọc Nhị, NXBGD. Trang P. 91 -100.
13. Colin Baker - Academic Cosuntant Ofelia Garcia (1995) *Foundation of Bilingual Education and Bilingualism* - Multilingual Matters School of Education, City University of New York. P. 81, 93, 95, 107, 209.
14. Crawford, J. (1989). *Bilingual Education. History,* Politics Theory and Practice. Trenton, N J: Crane Publishing.
15. Cummins, J, (1981). *Billingualism & Minority Language Children*. Ontario: Ontario Institute for Stadies in Education. P. 192-208
16. Krashen. D and Terrell. T (1983). *The natural Approach*: Language Acquistition in the classroom orford: Pergamon.
17. Patricia I. Robert (1996). *How children learn language*? Intergrating language art and Social studies.